

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ
ngành Dược lý và Dược lâm sàng**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT – BGDĐT ngày 14 tháng 2 năm 2012 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ; Thông tư số 33/2013/TT – BGDĐT ngày 5 tháng 8 năm 2013 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo sửa đổi, bổ sung danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 04/2012/TT – BGDĐT;

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT – BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành hoặc chuyên ngành phép đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT- BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Theo đề nghị của Ông: Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học và Trưởng Khoa Dược học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, ngành Dược lý và Dược lâm sàng, Mã số: 8720205.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các Ông (Bà) Trưởng phòng: Đào tạo sau đại học, Trưởng khoa Dược học và các bộ môn liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

SAO LỤC

HẢI PHÒNG, NGÀY 20/4/2020.

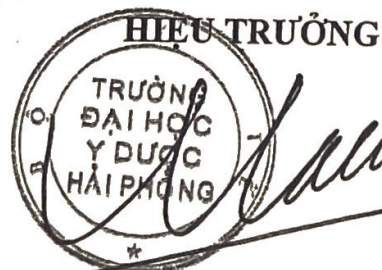
TL. HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ GD&ĐT, Bộ Y tế (để báo cáo);
- Lưu ĐTSĐH;
- Lưu VT.



TRƯỞNG PHÒNG
ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC
PGS.TS. Đinh Văn Chiêu



PGS.TS. Nguyễn Văn Khải

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO

BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Ngành: DƯỢC LÝ VÀ DƯỢC LÂM SÀNG

Mã số: 8720205

Hải Phòng, năm 2020

CƠ SỞ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

- 1 - Luật giáo dục được Quốc Hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá X thông qua ngày 27/06/2005 và - Nghị định số 75/2006/NĐ - CP ngày 02/08/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật giáo dục
- 2 - Luật 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 về sửa đổi và bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học 08/2012-QH13.
- 3- Quyết định số 06/1999 QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25 tháng 01 năm 1999 về việc thành lập Trường đại học Y Hải Phòng, và Quyết định số 2153/2013 QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
- 4- Quyết định số 2532/QĐ-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Trường đại học Y Hải Phòng đào tạo trình độ đại học ngành Dược học
- 5- Thông tư số: 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ
- 6- Thông tư 07/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.
- 7- Thông tư 09/2017/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 4 năm 2017 về việc quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ
- 8- Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục giáo dục đào tạo cấp IV trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ.

9- Biên bản thông qua chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Dược lý và Dược lâm sàng của Hội đồng khoa học và Đào tạo Trường Đại học Y Dược Hải Phòng do Chủ tịch Hội đồng ký ngày 26 tháng 11 năm 2019.

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG
ĐÀO TẠO THẠC SĨ NGÀNH: DƯỢC LÝ VÀ DƯỢC LÂM SÀNG
NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TỔNG HỢP

Số TT	Khối lượng học tập	Khối lượng tín chỉ			Tỉ lệ %
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	
1.	Học phần kiến thức chung	05	04	01	8,33
2.	Học phần kiến thức cơ sở	13	12	01	21,67
4.	Học phần kiến thức chuyên ngành	22	09	13	36,67
5.	Học phần kiến thức tự chọn	10	06	04	16,66
6.	Luận văn	10	0	10	16,67
Tổng		60	31	29	100

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
THẠC SĨ NGÀNH: DƯỢC LÝ VÀ DƯỢC LÂM SÀNG

B. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo:

STT	Mã số	Tên học phần/môn học	Tổng số tín chỉ	Tổng số tiết	Phân bố tín chỉ/tiết học	
					LT	TH
Phần kiến thức chung			05	90	04/60	01/30
01	YHTH.501	Triết học	03	45	03/45	0/0
02	YHNN.502	Ngoại ngữ chuyên ngành	02	45	01/15	01/30
Phần kiến thức cơ sở			13	210	12/180	01/30
01	CS101	Dược lý phân tử	02	30	02/30	0/0
02	CS102	Bệnh học nội khoa	03	45	03/45	0/0
03	CS103	Hóa sinh	02	30	02/30	0/0
04	CS104	Vi sinh	02	30	02/30	0/0
05	CS105	Thống kê y học	02	30	02/30	0/0
06	YXPN.504	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	02	45	01/15	01/30
Phần kiến thức chuyên ngành			22	525	09/135	13/390
01	CN101	Thông tin thuốc và cảnh giác dược	02	45	01/15	01/30
02	CN102	Dược động học lâm sàng	02	30	02/30	0/0
03	CN103	Sử dụng thuốc trong điều trị 1	03	45	03/45	0/0
04	CN104	Sử dụng thuốc trong điều trị 2	03	45	03/45	0/0
05	CN105	Thực hành dược lâm sàng 1 (khoa Dược Bv)	04	120	0/0	04/120
06	CN106	Thực hành dược lâm sàng 2	04	120	0/0	04/120

		(Nhi)				
07	CN107	Thực hành dược lâm sàng 3 (Nội)	04	120	0/0	04/120
Phân kiến thức tự chọn			Chọn 10 TC trong tổng số 30 TC			
01	TC101	Kỹ năng giao tiếp và tư vấn sử dụng thuốc	02	45	01/15	01/30
02	TC102	Đánh giá và quản lý tương tác thuốc	02	45	01/15	01/30
03	TC103	Thực hành DLS trong nhi khoa	02	60	0/0	02/60
04	TC104	Thực hành DLS trong lão khoa	02	60	0/0	02/60
05	TC105	Thực hành DLS trong HSTC	02	60	0/0	02/60
06	TC106	Thực hành DLS trong điều trị ngoại trú	02	60	0/0	02/60
07	TC107	Thực hành DLS trong chuyên ngành ung thư	02	60	0/0	02/60
08	TC108	Nguyên tắc dược động học và dược lực học trong sử dụng kháng sinh	02	30	02/30	0/0
09	TC109	Dược lý di truyền	02	30	02/30	0/0
10	TC110	Quản lý thử nghiệm lâm sàng	02	30	02/30	0/0
11	TC111	Quản lý dược bệnh viện	02	30	02/30	0/0
12	TC112	Phân tích dữ liệu dược lý lâm sàng	02	45	01/15	01/30
13	TC113	Dinh dưỡng lâm sàng	02	30	02/30	0/0
14	TC114	Y dược - xã hội học và Pháp chế Dược	02	30	02/30	0/0
15	TC115	Đạo đức trong hành nghề dược	02	30	02/30	0/0

Luận văn	10			
Tổng	60			

Thời gian đào tạo thạc sĩ Dược lý và Dược lâm sàng là 02 năm và được phân bổ quỹ thời gian cho chương trình như sau:

Học kỳ	Học tập (tuần)	Thi (tuần)	Tết/Hè (tuần)	Tổng (tuần)
I	20	2	3	25
II	20	2	2	24
III	20	2	3	25
IV	20	4	2	26
Tổng	80	10	10	100

Khung chương trình đào tạo với các học phần kiến thức chung và kiến thức cơ sở giúp học viên có nền tảng cơ bản trước khi học các học phần chuyên ngành. Học phần chuyên ngành sẽ trang bị cho học viên kiến thức chuyên sâu của các lĩnh vực thuộc ngành Dược lý Dược lâm sàng. Học phần tự chọn sẽ là định hướng hoạt động dược lâm sàng chuyên sâu trong từng lĩnh vực (nhi khoa, lão khoa, hồi sức tích cực, ung thư, điều trị ngoại trú), đồng thời cũng cung cấp bổ sung những kiến thức cơ sở ngành. Học viên sẽ chọn một trong các lĩnh vực dược lý dược lâm sàng để làm luận văn.

Phân bố học phần/môn học theo học kỳ

STT	Tên học phần/môn học	Mã số	Phân bố theo học kỳ			
			I	II	III	IV
01	Triết học	YXTH.501	03			
02	Ngoại ngữ chuyên ngành	YHNN.502	02			
03	Dược lý phân tử	CS101	02			
04	Bệnh học nội khoa	CS102	03			
05	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	YXPN.504	02			
06	Hóa sinh	CS103	02			
07	Vi sinh	CS104	02			
08	Dược động học lâm sàng	CN102		02		
09	Sử dụng thuốc trong điều trị 1	CN103		03		
10	Sử dụng thuốc trong điều trị 2	CN104		03		
11	Thực hành dược lâm sàng 1 (khoa Dược bệnh viện)	CN105		04		
12	Thống kê sinh học	CS105		02		
12	Thông tin thuốc và cảnh giác dược	CN101		02		
13	Thực hành dược lâm sàng 2 (Nhi)	CN106			04	
14	Thực hành dược lâm sàng 3 (Nội)	CN107			04	
15	Đánh giá và quản lý tương tác thuốc*	TC102			02	
16	Quản lý thử nghiệm lâm sàng*	TC110			02	
17	Nguyên tắc dược động học và dược lực học trong sử dụng kháng sinh*	TC108			02	
18	Dược lý di truyền*	TC109			02	
19	Quản lý dược bệnh viện*	TC111			02	

20	Dinh dưỡng lâm sàng*	TC113			02	
21	Đạo đức trong hành nghề dược*	TC115			02	
22	Kỹ năng giao tiếp và tư vấn sử dụng thuốc*	TC101			02	
23	Phân tích dữ liệu nghiên cứu dược lý lâm sàng*	TC112			02	
24	Y dược - xã hội học và Pháp chế Dược*	TC114			02	
25	Thực hành DLS trong nhi khoa*	TC103				02
26	Thực hành DLS trong lão khoa*	TC104				02
27	Thực hành DLS trong HSTC*	TC105				02
28	Thực hành DLS trong điều trị ngoại trú*	TC106				02
29	Thực hành DLS trong chuyên ngành ung thư*	TC107				02
30	Luận văn					10
Tổng		60	16	16	14	14

*Học phần kiến thức tự chọn, học viên chọn 10 trong số 30 tín chỉ.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHI TIẾT
THẠC SĨ NGÀNH: DƯỢC LÝ VÀ DƯỢC LÂM SÀNG
HỌC PHẦN: TRIẾT HỌC

1. Mã số: YH.501

2. Số tín chỉ: 03 LT : 02 TL: 01

3. Số tiết học: 60 LT : 30 TL: 30

Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy:

Bộ môn Lý luận Chính trị - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Cán bộ giảng dạy:

- ThS - GVC. Trịnh Thị Thủy - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
- ThS - GVC. Hoàng Thị Minh Hương - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

4. Mô tả học phần:

Những kiến thức về triết học rất cần thiết cho cán bộ làm công tác khoa học, nó trang bị cho cán bộ phương pháp tư duy khách quan, học viên cần vận dụng những kiến thức này trong quá trình học tập, nghiên cứu, thực hành của mình.

5. Mục tiêu học phần:

Sau khi kết thúc khoá học, học viên có khả năng

- 1) Trình bày được những nội dung cơ bản của Triết học.
- 2) Vận dụng có hiệu quả vào chuyên ngành của mình.

6. Nội dung:

Tín chỉ 1: Khái luận về Triết học và lịch sử Triết học Phương Đông.

Stt	Nội dung	Số tiết giảng	Giờ thảo luận
1	1.Triết học là gì? 1.1. Triết học và đối tượng của triết học 1.2. Các loại hình triết học cơ bản 1.2.1. Vấn đề cơ bản của triết học và các trường phái triết học	3	1

	1.2.2. Biện chứng và siêu hình 1.2.3. Khả tri và bất khả tri		
2	2. Khái luận về lịch sử Triết học Phương Đông 2.1. Triết học Ấn Độ 2.2. Triết học Trung Hoa 2.3. Tư tưởng triết học Việt Nam	10	5

Tín chỉ 2: Khái luận về lịch sử Triết học Phương Tây và triết học Mác – Lê nin.

Stt	Nội dung	Số tiết giảng	Giờ thảo luận
1	1. Triết học Hy Lạp Cổ đại 2. Triết học Tây Âu thời Trung Cổ 3. Triết học Tây Âu thời Phục Hưng và Cận đại 4. Triết học Cổ điển Đức 5. Triết học Phương Tây đương đại	10	5
2	1. Sự ra đời của triết học Mác-Lênin. 2. Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật. 3. Những quy luật cơ bản & các cặp phạm trù của phương pháp biện chứng duy vật. 4. Chủ nghĩa duy vật lịch sử. 5. Triết học Mác – Lênin trong giai đoạn hiện nay.	22	11

Tín chỉ 3: Mối quan hệ triết học và các khoa học , vai trò của khoa học công nghệ trong sự phát triển xã hội.

Stt	Nội dung	Số tiết giảng	Giờ thảo luận
1	1. Mối quan hệ triết học và các khoa học 1.1. Mối quan hệ giữa khoa học với triết học. 1.2. Vai trò thể giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển khoa học.	7	4
2			

<p>2. Vai trò của khoa học công nghệ trong sự phát triển xã hội.</p> <p>2.1. Ý thức khoa học.</p> <p>2.2. Khoa học công nghệ - động lực của sự phát triển xã hội.</p> <p>2.3. Khoa học công nghệ ở Việt Nam.</p>	8	4
---	----------	----------

7. Tài liệu giảng dạy:

1. Giáo trình Triết học dành cho cao học và nghiên cứu sinh, tập I, II,III- Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh 1993.
2. Giáo trình Triết học dành cho cao học và nghiên cứu sinh - Nhà xuất bản Lý luận chính trị Hà Nội 2007.
3. Lịch sử Triết học - Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Hà Nội 1998

8. Phương pháp dạy học

- 8.1. Phương pháp dạy/học: Áp dụng phương pháp dạy /học tích cực, dạy học theo mục tiêu của môn học:
- Dạy/học theo mục tiêu của từng nội dung thuộc môn học.
 - Một số nội dung giao cho học viên chuẩn bị bài trước dựa vào các tài liệu đã có, sau đó tổ chức thảo luận trên lớp.
- 8.2. Vật liệu để dạy/học: phấn, bảng, máy tính, máy chiếu projector, máy chiếu Overhead

9. Phương pháp đánh giá.

9.1. Hình thức kiểm tra và thi hết môn:

- Thi lý thuyết truyền thống.
- Viết tiểu luận.

9.2. Cách tính điểm môn học:

- | | |
|-----------------------|---------------|
| 1) Kiểm tra 1 (ĐKT1): | Trọng số: 0,1 |
| 2) Kiểm tra 2 (ĐKT2): | Trọng số: 0,1 |
| 3) Kiểm tra 3 (ĐKT3): | Trọng số: 0,1 |
| 4) Kiểm tra 4 (ĐKT4): | Trọng số: 0,1 |

5) Thi hết môn (ĐT):

Trọng số: 0,6

6) Tổng số

1,0

Cách tính điểm môn học:

$$\text{ĐMH}=(\text{ĐKT1} * 0,1)+(\text{ĐKT2} * 0,1)+(\text{ĐKT3} * 0,1)+(\text{ĐKT4} * 0,1)+(\text{ĐKT5} * 0,1)+(\text{ĐT} * 0,5)$$

HỌC PHẦN: NGOẠI NGỮ CHUYÊN NGÀNH

1. Mã số: YHNN. 502

2. Số tín chỉ: 02 LT: 01 TL: 01

3. Số tiết học: 45 LT: 15 TL: 30

Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy.

Bộ môn Ngoại ngữ - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Cán bộ giảng dạy.

- ThS - GVC. Nguyễn Thị Hiền - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

- ThS Trần Thị Hòa - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

4. Mục tiêu môn học

- Sinh viên sử dụng được ngữ pháp và vốn từ vựng của trình độ tương đương B1 theo Khung Châu Âu chung.
- Sinh viên giao tiếp được bằng ngoại ngữ tương đương B1 với bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.
- Sinh viên sử dụng Ngoại ngữ để đọc hiểu và tra cứu được các tài liệu chuyên ngành Y
- Sinh viên sử dụng được một số cấu trúc ngữ pháp và từ vựng cơ bản, thường gặp trong y văn.

5. Mô tả học phần:

Sinh viên được cung cấp từ vựng chuyên ngành và ngữ pháp thường gặp trong văn phong khoa học và các tài liệu chuyên ngành y.

6. Nội dung chi tiết:

STT	Tên bài	Lý thuyết	Thực hành
1	Unit 1. Shapes and Properties	1	3
2	Unit 2. Location	1	3
3	Unit 3. Structure	1	3
4	Unit 4. Function	1	3
5	Unit 5. Actions in sequence	1	3

STT	Tên bài	Lý thuyết	Thực hành
6	Unit 6. Cause and Effect	1	3
7	Unit 7. Proportion	1	3
8	Unit 8. Quantity	1	3
9	Unit 9. Cause and Effect	2	3
10	Unit 10. Proportion	2	3
11	Revision	3	0
Tổng		15	30

7. Tài liệu giảng dạy

Giáo trình English for Medical students (Department of Science and Training – Ministry of Health)

8. Phương pháp dạy học:

- Thuyết trình, phát vấn
- Làm việc theo cặp/nhóm, thảo luận, đóng vai.

9. Phương pháp đánh giá.

9.1. Đánh giá thường xuyên:

- Điểm chuyên cần: được đánh giá dựa trên số buổi đi học và thái độ học tập tích cực trên lớp
- Bài kiểm tra thường xuyên sau khi kết thúc từng tín chỉ.

Kết hợp điểm chuyên cần và Bài kiểm tra thường xuyên là tiêu chí để xét Tư cách Sinh viên được dự thi kết thúc học phần.

9.2. Đánh giá kết thúc học phần:

- 01 bài thi Viết hết học phần.
- 01 bài thi Nói hết học phần.
- Trung bình cộng của Điểm thi Viết và thi Nói sẽ là điểm thi kết thúc học phần.

9.3. Đánh giá theo chuẩn chứng chỉ B1 khung Châu Âu:

- Ngoài bài thi kết thúc học phần, học viên phải tham dự kỳ thi lấy chứng chỉ B1 theo khung Châu Âu và đạt kết quả Đạt. Đây là điều kiện để xét tốt nghiệp cho học viên cao học.

9.4. Cách tính điểm môn học:

1) Kiểm tra Viết (ĐKT1):	Trọng số: 0,5
2) Kiểm tra Nói (ĐKT2):	Trọng số: 0,5
3) Tổng số	1,0

Cách tính điểm môn học:

$$\mathbf{ĐMH=(ĐKT1*0,5)+(ĐKT2*0,5)}$$

HỌC PHẦN: DƯỢC LÝ PHÂN TỬ

1. Mã số: CS101

2. Số tín chỉ: 02 LT: 02 TH: 0

3. Số tiết học: 30 LT: 30 TH: 0

4. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy

Bộ môn Dược lý – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Cán bộ giảng dạy:

- PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng – Trưởng khoa Dược, ĐHYD HP
- TS. BS. Nguyễn Thị Thu Phương – Trưởng bộ môn Dược lý, ĐHYD HP.

5. Mô tả môn học

Học phần này, cung cấp kiến thức về tác dụng của thuốc ở mức phân tử dưới tế bào và những nguyên lý cơ bản, những cơ chế chủ yếu về tác dụng của thuốc ở mức độ phân tử. Việc hiểu rõ cơ chế sâu xa của thuốc sẽ giúp việc sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, đạt hiệu quả cao và là cơ sở để nghiên cứu phát triển các nhóm thuốc mới.

Môn học tiên quyết: không

6. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, học viên có khả năng:

- Trình bày được các đích tác dụng khác nhau của thuốc thông qua cơ chế truyền tin nội bào, qua trung gian receptor, các kênh vận chuyên, enzym, transporter, bơm và các cơ chế phân tử liên quan. Vận dụng các kiến thức này để giải thích tác dụng điều trị của các họ trị liệu, sự khác biệt giữa các thuốc trong cùng một họ liên quan đến việc lựa chọn thuốc trên lâm sàng.
- Phân tích được một số đích tác dụng mới có triển vọng đang được nghiên cứu để định hướng cho sự phát triển các nhóm thuốc mới.

7. Nội dung:

STT	Nội dung	Số tiết
1	Đại cương về các đích tác dụng của thuốc	4
2	Truyền tin nội bào thông qua các chất trung gian hóa học (amin giao cảm, dopamin, histamin, serotonin, cholinergic, acid min, peptid...)	4
3	Thuốc tác động thông qua trung gian receptor: receptor gắn với protein G, các protein kinase, receptor nhân	4
4	Thuốc tác động lên các kênh vận chuyển ion (Na ⁺ , K ⁺ , Cl ⁻ , Ca ⁺⁺), các transporter, các bơm	4
5	Thuốc tác động trên enzym	4
6	Cơ chế tác dụng phân tử của các một số nhóm thuốc đặc biệt	6
7	Các đích tác dụng mới đang được nghiên cứu của thuốc	
	Tổng cộng	30

8. Tài liệu học tập

Tài liệu học tập chính: tài liệu do bộ môn biên soạn

Tài liệu tham khảo

1. Brunton LL, Lazo JS, Parker KL (2017), *Goodman & Gilman's: The pharmacological basis of therapeutics*, McGraw-Hill, Inc, 13th edition.
2. Katzung BG (2014), *Basic and clinical pharmacology*, McGraw-Hill, Inc, 13th edition.
3. Franklin TG, Snow GA (2005), *Biochemistry and molecular biology of antimicrobial drug action*, Springer, 6th edition.
4. Cooper JR, Bloom FE, Roth RH (2003), *The biochemical basis of neuropharmacology*, Oxford University Press, 8th edition.

9. Phương pháp dạy học

9.1. Phương pháp dạy/học: áp dụng phương pháp dạy /học tích cực:

Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình kết hợp giảng dạy tích cực theo mục tiêu từng nội dung môn học.

Phương pháp học tập: học viên nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm

9.2. Vật liệu để dạy/học:

Gồm phấn, bảng, micro, loa, máy tính, máy chiếu projector, sách chuyên khảo trong mục tài liệu tham khảo.

10. Phương pháp đánh giá

10.1. Hình thức kiểm tra và thi hết môn:

- Đánh giá thường kỳ: câu hỏi T/F, MCQ.
- Thi kết thúc học phần: thi trắc nghiệm: câu hỏi T/F, MCQ, SAQ.

10.2. Cách tính điểm môn học:

1) Điểm kiểm tra thường kỳ lần 1 (ĐTK1)	Trọng số	10 %
2) Điểm kiểm tra thường kỳ lần 2 (ĐTK2)	Trọng số	10 %
3) Thi kết thúc học phần (ĐT)	Trọng số	80 %
4) Tổng trọng số		100%

Công thức tính điểm môn học:

$$\mathbf{ĐMH = (ĐTK1 \times 0.1) + (ĐTK2 \times 0.1) + (ĐT \times 0.8)}$$

HỌC PHẦN: BỆNH HỌC NỘI KHOA

1. Mã số: CS102

2. Số tín chỉ: 03 LT: 03 TH: 0

3. Số tiết học: 45 LT: 45 TH: 0

4. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy

Bộ môn Dược lý – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Cán bộ giảng dạy:

- TS. BS. Nguyễn Thị Thu Phương, trưởng Bộ môn Dược lý, ĐHYDHP

- PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng – Trưởng khoa Dược, ĐHYD HP

5. Mô tả môn học

Kiến thức về bệnh học là phần kiến thức quan trọng là cơ sở cho việc lựa chọn thuốc phù hợp theo từng đối tượng bệnh nhân.

Môn học tiên quyết: không

6. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, học viên có khả năng:

- Trình bày được các kiến thức về bệnh học và các bệnh thường gặp làm cơ sở cho việc tìm hiểu cơ chế tác dụng của thuốc và sử dụng thuốc trên lâm sàng.

7. Nội dung:

STT	Nội dung	Số tiết
1	Giới thiệu và đại cương bệnh nguyên, bệnh sinh. Bệnh án và làm việc với người bệnh	3
2	Bệnh tim mạch thường gặp	6
3	Hội chứng chuyển hóa	6
4	Bệnh mạn tính đường hô hấp thường gặp	6
5	Bệnh lý đường tiêu hóa thường gặp	6
6	Bệnh lý tâm thần kinh	6
7	Bệnh lý cơ – xương - khớp	6
8	Bệnh truyền nhiễm	6
Tổng cộng		45

8. Tài liệu học tập

Tài liệu học tập chính: tài liệu do bộ môn biên soạn

Tài liệu tham khảo

1. *Bệnh học nội khoa tập 1, tập 2 (2016)*. Bộ môn Nội, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng (2016)
2. *Nội khoa cơ sở tập 1 và tập 2 (2011)*. Các bộ môn Nội Trường đại học Y Hà Nội. Nhà xuất bản Y học

9. Phương pháp dạy học

9.1. Phương pháp dạy/học: áp dụng phương pháp dạy /học tích cực:

Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình kết hợp giảng dạy tích cực theo mục tiêu từng nội dung môn học.

Phương pháp học tập: học viên nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm

9.2. Vật liệu để dạy/học:

Gồm phấn, bảng, micro, loa, máy tính, máy chiếu projector, sách chuyên khảo trong mục tài liệu tham khảo.

10. Phương pháp đánh giá

10.1. Hình thức kiểm tra và thi hết môn:

- Đánh giá thường kỳ: câu hỏi T/F, MCQ.
- Thi kết thúc học phần: tự luận

10.2. Cách tính điểm môn học:

1) Điểm kiểm tra thường kỳ lần 1 (ĐTK1)	Trọng số	10 %
2) Điểm kiểm tra thường kỳ lần 2 (ĐTK2)	Trọng số	10 %
3) Thi kết thúc học phần (ĐT)	Trọng số	80 %
4) Tổng trọng số		100%

Công thức tính điểm môn học:

$$\text{ĐMH} = (\text{ĐTK1} \times 0.1) + (\text{ĐTK2} \times 0.1) + (\text{ĐT} \times 0.8)$$

HỌC PHẦN: HÓA SINH

1. Mã số: CS103

2. Số tín chỉ: 02 LT: 02 TH: 0

3. Số tiết học: 30 LT: 30 TH: 0

4. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy

Khoa Kỹ thuật y học – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Cán bộ giảng dạy:

- TS. BS. Nguyễn Hùng Cường, Trưởng khoa Kỹ thuật y học, ĐHYDHP
- TS. BS. Phạm Thị Thu Trang, Giảng viên khoa Kỹ thuật y học, ĐHYDHP

5. Mô tả môn học

Học phần này, cung cấp kiến thức cơ bản về ý nghĩa và cách phiên giải các xét nghiệm sinh hóa và huyết học. Các kiến thức này giúp được sĩ lâm sàng trong việc theo dõi hiệu quả và an toàn trong sử dụng thuốc.

6. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, học viên có khả năng:

- Trình bày được các xét nghiệm sinh hóa, huyết học cần thiết trong việc khảo sát chức năng của các cơ quan và giải thích được ý nghĩa lâm sàng của các chỉ số các xét nghiệm này.

- Đánh giá được sự đáp ứng điều trị trên các tình huống lâm sàng cụ thể.

7. Nội dung:

STT	Nội dung	Số tiết
1	Rối loạn chuyển hóa carbohydrat, lipoprotein	4
2	Chuyển hóa các chất khoáng và xương	4
3	Rối loạn chuyển hóa nước và chất điện giải	3
4	Khí máu và thăng bằng acid-base	3
5	Xét nghiệm công thức máu và đông máu	4
6	Các xét nghiệm chẩn đoán bệnh tim mạch	4
7	Hóa sinh lâm sàng bệnh gan mật	4
8	Hóa sinh lâm sàng bệnh thận – tiết niệu	4
Tổng cộng		30

8. Tài liệu học tập

Tài liệu học tập chính: tài liệu do bộ môn biên soạn

Tài liệu tham khảo

1. Gareth Thomas, *Medicinal chemistry*, John Wiley & sons, Ltd 2000
2. Carl A, Burtis, Edward. R. Ashwood, David.E. Bruns (2017), *Tietz Textbook of Clinical chemistry and Molecular diagnostics 6th.*
3. Le Moniteur Hematologie Tome 3, Groupe Liaisons 2e édition, 2000

9. Phương pháp dạy học

9.1. Phương pháp dạy/học: áp dụng phương pháp dạy /học tích cực:

Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình kết hợp giảng dạy tích cực theo mục tiêu từng nội dung môn học.

Phương pháp học tập: học viên nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm

9.2. Vật liệu để dạy/học:

Gồm phấn, bảng, micro, loa, máy tính, máy chiếu projector, sách chuyên khảo trong mục tài liệu tham khảo.

10. Phương pháp đánh giá

10.1. Hình thức kiểm tra và thi hết môn:

- Đánh giá thường kỳ:
- Thi kết thúc học phần:

10.2. Cách tính điểm môn học:

1) Điểm chuyên cần (ĐCC)	10% Trọng số
2) Thi giữa học phần (ĐGHP)	20% Trọng số
3) Thi kết thúc học phần (ĐT)	70% Trọng số
4) Tổng trọng số	100%

Công thức tính điểm môn học:

$$\text{ĐMH} = (\text{ĐCC} \times 0.1) + (\text{ĐDGHP} \times 0.2) + (\text{ĐT} \times 0.7)$$

HỌC PHẦN: VI SINH

1. Mã số: CS104

2. Số Tín chỉ: 2 LT: 2 TH: 0

3. Số tiết học: 45 LT: 30 TH: 0

4. Số lần kiểm tra: 1 Điểm môn học: 1

5. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng:

Khoa Kỹ thuật Y học, trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Cán bộ giảng dạy:

- TS. Nguyễn Hùng Cường, Trưởng Khoa Kỹ thuật Y học, Trưởng Bộ môn Vi sinh Trường ĐHYD Hải Phòng.

- TS. Trần Đức, Phó trưởng BM KT Vi sinh, Trưởng khoa Vi sinh Bệnh viện Việt Tiệp - Hải Phòng.

6. Mô tả học phần:

Học phần cung cấp kiến thức về vai trò gây bệnh của một số vi khuẩn và virus quan trọng; Giá trị của các xét nghiệm vi sinh ứng dụng trong chẩn đoán và điều trị bệnh nhiễm trùng. Các kiến thức này giúp các dược sỹ lâm sàng phối hợp với các bác sỹ điều trị lựa chọn phác đồ, theo dõi hiệu quả và điều chỉnh thuốc phù hợp trong quá trình điều trị bệnh nhiễm trùng.

7. Mục tiêu:

Sau khi kết thúc môn học, học viên:

1. Có kiến thức về vai trò gây bệnh của một số vi khuẩn và virus quan trọng trong bệnh viện.
2. Hiểu được mức độ nguy hiểm của nhiễm trùng bệnh viện.
3. Phân tích được giá trị của các xét nghiệm vi sinh ứng dụng trong chẩn đoán và điều trị bệnh nhiễm trùng.

- a. Hiểu được kỹ thuật kháng sinh đồ và ứng dụng được kết quả kháng sinh đồ trong lựa chọn kháng sinh và theo dõi hiệu quả điều trị bệnh nhiễm trùng.
- b. Hiểu được kỹ thuật đếm tải lượng virus và giải trình tự gen nhằm phân tích đột biến kháng thuốc và theo dõi hiệu quả điều trị bệnh do virus.

8. Nội dung:

STT	Tên bài học	Số tiết
1	Một số vi khuẩn gây bệnh quan trọng trong bệnh viện	6
2	Một số virus gây bệnh quan trọng trong bệnh viện	6
3	Nhiễm trùng bệnh viện	4
4	Giá trị của các xét nghiệm vi sinh ứng dụng trong chẩn đoán và điều trị bệnh nhiễm trùng	4
5	Kỹ thuật kháng sinh đồ và ứng dụng kết quả kháng sinh đồ trong lựa chọn kháng sinh và đánh giá hiệu quả điều trị bệnh nhiễm trùng.	6
6	Ứng dụng kỹ thuật đếm tải lượng và giải trình tự gen phục vụ đánh giá hiệu quả điều trị bệnh do virus và phát hiện đột biến kháng thuốc.	4
	Tổng	30

9. Tài liệu học tập:

1. Tài liệu bài giảng nội bộ của Bộ môn Vi sinh ĐHYD HP 2019.
2. Tài liệu thực hành của Bộ môn Vi sinh ĐHYD HP 2015.

3. Hướng dẫn quy trình kỹ thuật chuyên ngành Vi sinh Y học. Quyết định số 26/QĐ-BYT ngày 03/01/2013 của Bộ Y tế ban hành “[Hướng dẫn quy trình kỹ thuật chuyên ngành Vi sinh Y học](#)”

4. Hướng dẫn quy trình kỹ thuật chuyên ngành Vi sinh. Quyết định số 6769 /QĐ-BYT ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành tài liệu Hướng dẫn quy trình kỹ thuật chuyên ngành Vi sinh

5. Jawetz, Melnick, & Adelberg's: Medical Microbiology;

Twenty-Seventh Edition *Link:*

http://microbiology.sbm.ac.ir/uploads/jawetz_2016_medical_miceobiology.pdf.

10. Phương pháp dạy học:

10.1. Phương pháp dạy/học: áp dụng phương pháp dạy /học tích cực, dạy học theo mục tiêu của môn học:

+ Tự học: Học viên được cung cấp trước chương trình chi tiết của học phần, giới thiệu tài liệu học tập, tài liệu tham khảo và tài liệu phát tay của bài giảng. Dựa trên mục tiêu học tập của từng bài, sinh viên chuẩn bị bài trước khi đến dự giảng.

+ Lý thuyết: Thuyết trình ngắn kết hợp với giảng dạy tích cực; giải đáp, thảo luận trên lớp các vấn đề học viên đặt ra khi chuẩn bị bài học trước khi đến lớp. Tóm tắt những vấn đề kiến thức cốt lõi, mở rộng kiến thức bài học để nâng tầm hiểu biết của học viên, đặt ra các vấn đề khuyến khích học viên đi sâu tìm hiểu và đọc thêm sách tham khảo.

10.2. Vật liệu để dạy/học:

Phấn, bảng, máy tính, máy chiếu projector, các máy liên quan xét nghiệm vi sinh.

11. Phương pháp đánh giá.

11.1. Hình thức kiểm tra và thi hết học phần:

1. Thi lý thuyết truyền thống.

2. Thi trắc nghiệm: Câu hỏi T/F, QROC, QCM

11.2. Cách tính điểm môn:

Phương pháp đánh giá	Điểm
<i>Chuyên cần: Đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt, tích cực thảo luận...</i>	10%
<i>Kiểm tra thường xuyên: Chuẩn bị bài đầy đủ, hoàn thành đủ nội dung được yêu cầu chuẩn bị...</i>	20%
<i>Thi lý thuyết kết thúc học phần: Bài thi tự luận hoặc trắc nghiệm</i>	70%
Tổng	100%

HỌC PHẦN: THỐNG KÊ Y HỌC

1. Mã số: CS105

2. Số tín chỉ: 02 LT : 02 TH: 0

3. Số tiết học: 30 LT : 30 TH: 0

4. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy

Khoa Y tế công cộng – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Cán bộ giảng dạy:

- PGS. TS. Phạm Minh Khuê, Khoa Y tế công cộng, ĐHYD HP.

- PGS.TS. Dương Thị Hương, Khoa Y tế công cộng, ĐHYD HP.

5. Mô tả môn học

Môn học cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về kiến thức cơ bản về thống kê toán học, thống kê mô tả, mẫu và phân bố mẫu, kiểm định giả thiết, phân tích hồi qui tương quan, cách lấy mẫu và xử lý số liệu thống kê trong các nghiên cứu về dược lý, dược lâm sàng.

6. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, học viên có khả năng:

- Ứng dụng thống kê toán học vào lĩnh vực nghiên cứu dược lý, dược lâm sàng. Biết cách thu thập, xử lý số liệu thu thập được trong nghiên cứu khoa học và thực tiễn, đưa ra được kết luận.
- Biết cách sử dụng một phần mềm thống kê SPSS/R để phân tích và xử lý các dữ liệu.

7. Nội dung:

STT	Nội dung	Số tiết
1	Lý thuyết mẫu. Xác định kích thước mẫu cần thiết	2
2	Các phương pháp kiểm định giả thiết thống kê	2
3	Kiểm định giả thiết về giá trị trung bình	2
4	Kiểm định giả thiết về tỉ lệ hay xác suất	2
5	So sánh hai giá trị trung bình của hai mẫu độc lập	2
6	So sánh hai giá trị trung bình của hai mẫu theo cặp	2
7	So sánh hai tỉ lệ hay xác suất	2
8	So sánh hai phương sai	2
9	Kiểm tra tính độc lập	2
10	Kiểm tra giả định về phân bố chuẩn	2

11	Kiểm tra giả định về phương sai	2
12	So sánh nhiều trung bình	2
13	Tương quan và hồi quy tuyến tính	6
	Tổng cộng	30

8. Tài liệu học tập

Tài liệu học tập chính: tài liệu do bộ môn biên soạn

Tài liệu tham khảo

1. Ngô Như Hòa (1981), *Thống kê trong nghiên cứu Y học -Tập I*, Nhà xuất bản Y học.
2. Ngô Như Hòa (1982), *Thống kê trong nghiên cứu Y học -Tập II*, Nhà xuất bản Y học,
3. Chu Văn Mẫn - Đào Hữu Hồ, *Giáo trình thống kê sinh học*, Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật Hà Nội.
4. Đào Hữu Hồ, *Xác suất thống kê*, Nhà xuất bản đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Dennis D. Wackerly, William Mendenhall III, Richard L. Scheaffer (2002), *Mathematical Statistics with Applications, 6th Edition*.
6. Robert O. Kuehl (2000), *Design of Experiments – Statistical Principles of Research Design and Analysis, 2nd Edition*.
7. Ramsey/Schafer; The Statistical Sleuth (2002), *A Course in Methods of Data Analysis, 2nd Edition*.

9. Phương pháp dạy học

9.1. Phương pháp dạy/học: áp dụng phương pháp dạy /học tích cực:

Phương pháp giảng dạy: thuyết trình kết hợp giảng dạy tích cực theo mục tiêu từng nội dung môn học. Với một số nội dung giao cho học viên chuẩn bị bài trước dựa vào các tài liệu đã có, sau đó tổ chức thảo luận trên lớp theo nhóm.

Phương pháp học tập: học viên nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm

9.2. Vật liệu để dạy/học:

Gồm phấn, bảng, micro, loa, máy tính, máy chiếu projector, sách chuyên khảo trong mục tài liệu tham khảo.

10. Phương pháp đánh giá

10.1. Hình thức kiểm tra và thi hết môn:

- Kiểm tra giữa kì:
- Thi kết thúc học phần: tự luận hoặc tiểu luận

10.2. Cách tính điểm môn học:

• Điểm kiểm tra giữa kì (ĐKT1)	Trọng số	10 %
• Điểm kiểm tra giữa kì (ĐKT2)	Trọng số	10 %
• Thi kết thúc học phần (ĐT)	Trọng số	80 %
• Tổng trọng số		100%

Công thức tính điểm môn học:

$$\mathbf{DMH = (ĐKT 1 \times 0.1) + (ĐKT2 \times 0.1) + (ĐT \times 0.8)}$$

HỌC PHẦN

PHƯƠNG PHÁP LUẬN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Mã số: YHPN.504

2. Số tín chỉ: 2 LT : 01 TH: 01

3. Số tiết học: 45 LT : 15 TH: 30

Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy

Đơn vị phương pháp NCKH – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Cán bộ giảng dạy :

- PGS.TS. Phạm Văn Hán – Trưởng Đơn vị nghiên cứu khoa học - ĐHYDHP.
- PGS.TS. Phạm Minh Khuê – Giảng viên Đơn vị nghiên cứu khoa học – ĐHYDHP.
- PGS.TS. Dương Thị Hương – Giảng viên Đơn vị nghiên cứu khoa học – ĐHYDHP

4. Mô tả môn học

Những kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học rất cần thiết cho học viên trong chương trình đào tạo thạc sĩ, giúp cho học viên có phương pháp nghiên cứu chuẩn hoá. hoàn thành luận văn tốt nghiệp và tiếp tục nghiên cứu khoa học sau khi ra trường. Môn học gồm 4 chương:

Chương 1: Chuẩn bị đề cương nghiên cứu

Chương 2: Các loại thiết kế nghiên cứu dịch tễ học ứng dụng trong nghiên cứu y học.

Chương 3: Phương pháp chọn mẫu trong nghiên cứu y học.

Chương 4: Phân tích, trình bày kết quả nghiên cứu và viết báo cáo khoa học

5. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, học viên có khả năng:

- 5.1. Trình bày và phân tích ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học trong y học.
- 5.2. Xây dựng được đề cương nghiên cứu.
- 5.3. Biết cách thiết kế nghiên cứu, thu thập được số liệu, biết cách viết một báo cáo khoa học.

6. Nội dung

Tín chỉ 1: Lý thuyết về PPNCKH

STT	Nội dung	Số tiết
1	Chương 1: Phương pháp chuẩn bị đề cương NCKH 1. Phân đặt vấn đề, mục tiêu nghiên cứu 2. Tổng quan tài liệu 3. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu 4. Dự kiến kết quả nghiên cứu 5. Bàn luận 6. Kết luận	2
2	Chương 2: Các loại thiết kế nghiên cứu dịch tễ học 1. Phương pháp nghiên cứu cắt ngang. 2. Phương pháp nghiên cứu thuần tập. 3. Phương pháp nghiên cứu bệnh chứng. 4. Thử nghiệm lâm sàng ngẫu nhiên có đối chứng.	7
3	Chương 3: Quần thể và mẫu nghiên cứu 1. Quần thể nghiên cứu. 2. Chọn mẫu nghiên cứu trong y học.	2
4	Chương 4 : Phân tích số liệu, trình bày kết quả nghiên cứu, viết báo cáo khoa học 1. Lựa chọn các test thống kê thích hợp trong phân tích số liệu nghiên cứu Y học. 2. Trình bày các kết quả nghiên cứu Y học. 3. Cách viết một báo cáo khoa học (luận văn, luận án).	4

Tín chỉ 2: Thiết kế một đề cương nghiên cứu

STT	Nội dung	Số tiết
1	Chương 1: Phương pháp chuẩn bị đề cương NCKH 1. Phân đặt vấn đề, mục tiêu nghiên cứu 2. Tổng quan tài liệu 3. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu 4. Dự kiến kết quả nghiên cứu 5. Bàn luận 6. Kết luận	8
2	Chương 2 : Phân tích số liệu, trình bày kết quả nghiên cứu, viết báo cáo khoa học 1. Lựa chọn các test thống kê thích hợp trong phân tích số liệu nghiên cứu Y học. 2. Trình bày các kết quả nghiên cứu Y học. 3. Cách viết một báo cáo khoa học (luận văn, luận án).	22

7. Tài liệu học tập

Trường đại học Y Hà Nội: Phương pháp nghiên cứu khoa học Y học
Nhà xuất bản Y học 1998.

8. Phương pháp dạy học

8.1. Phương pháp dạy/học:

Áp dụng phương pháp dạy /học tích cực, dạy học theo mục tiêu của môn học:

- + Lý thuyết
- Dạy /học theo mục tiêu của từng nội dung thuộc môn học.
- Một số nội dung giao cho học viên chuẩn bị bài trước dựa vào các tài liệu đã có, sau đó tổ chức thảo luận trên lớp.
- + Bài tập:
- Thiết kế một đề cương nghiên cứu khoa học

8.2. Vật liệu để dạy/học :

Gồm phấn, bảng, máy tính, máy chiếu projector, máy chiếu Overhead

9. Phương pháp đánh giá

9.1. Hình thức kiểm tra và thi hết môn:

1. Thi lý thuyết truyền thống.
2. Thi trắc nghiệm: Câu hỏi T/F, QROC, QCM
3. Thi đề cương nghiên cứu khoa học

9.2. Cách tính điểm môn học:

1) Kiểm tra 1(ĐKT1):1	Trọng số	0,2
2) Kiểm tra 2(ĐKT2):1	Trọng số	0,2
3) Thi hết môn(ĐT): 1	Trọng số	0,6
4) Tổng trọng số		1,0

Cách tính điểm môn học:

$$\mathbf{ĐMH=(ĐKT1*0,2)+(ĐKT2*0,2)+(ĐT*0,6)}$$

- Mô tả được cách thức hình thành dấu hiệu, đánh giá các dấu hiệu liên quan đến phản ứng có hại của thuốc (ADR). Phân tích được ưu nhược điểm của báo cáo tự phát trong thực hành Cảnh giác Dược
- Trình bày được các phương pháp đánh giá nguy cơ và ước tính mối liên quan của nguy cơ với việc sử dụng thuốc. Trình bày được khả năng sử dụng các dữ liệu Cảnh giác Dược trong sử dụng thuốc thông qua phân tích nguy cơ - lợi ích.
- Phân tích được vai trò của Cảnh giác dược trong thông tin cho cán bộ y tế và trong công tác chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng. Trình bày được một số cách tiếp cận để cải thiện trao đổi thông tin trong công tác Cảnh giác Dược

7. Nội dung:

STT	Tên bài giảng - chuyên đề	Số tiết	
		LT	TH
PHẦN I: THÔNG TIN THUỐC			
1	Quy chế thông tin quảng cáo. Chức năng, nhiệm vụ của đơn vị thông tin thuốc	2	
2	Y học dựa trên bằng chứng: khái niệm và áp dụng trong thực hành lâm sàng	2	
3	Lập kế hoạch triển khai hoạt động thông tin thuốc theo lĩnh vực dược	2	4
4	Sử dụng các nguồn thông tin trong tìm kiếm thông tin thuốc		4
5	Đánh giá y văn về thuốc. Đánh giá và phân tích thử nghiệm lâm sàng trong y văn liên quan đến thuốc		4
6	Xây dựng chuyên luận tra cứu 1 thuốc cụ thể trong danh mục thuốc bệnh viện dựa trên bằng chứng		4
PHẦN II: CẢNH GIÁC DƯỢC			
1	Đại cương về An toàn thuốc và Cảnh giác Dược	1	
2	Cơ chế và căn nguyên của các tác dụng bất lợi của thuốc (ADR). Phân loại các kiểu tác dụng bất lợi và cách dự	2	

3	phòng	2	
4	Sự hình thành dấu hiệu – báo cáo phản ứng bất lợi của thuốc. Đánh giá qui kết ADR và mô tả nguy cơ	2	
5	Các phương pháp theo dõi tích cực và dịch tễ học để đo lường nguy cơ và theo dõi an toàn của thuốc	2	
6	Sử dụng các dữ liệu về Cảnh giác Dược để quản lý rủi ro: đánh giá nguy cơ/lợi ích		
6.1	Báo cáo tự nguyện (spontaneous reporting) trong thực hành Cảnh giác Dược:		4
6.2	- Thực hành báo cáo trên một số ca cụ thể theo mẫu báo cáo hiện hành tại Việt nam. Đánh giá dấu hiệu và qui kết ADR trong thực hành Cảnh giác Dược		4
6.3	- Thực hành dấu hiệu và qui kết ADR trên một số ca lâm sàng cụ thể		4
7	Nguy cơ và dự phòng nguy cơ Phân tích y văn: bài học từ một số thuốc bị rút khỏi thị trường (Vioxx...)		6
Tổng cộng		15	30

8. Tài liệu học tập

Tài liệu học tập chính: tài liệu do bộ môn biên soạn

Tài liệu tham khảo

1. Quy chế thông tin quảng cáo thuốc dành cho người.
2. Maloire PM, Kier KL, Stanovich JE (2006), *Drug Information: a guide for pharmacists 3rd edition*, Mc Graw Hill.
3. Chiquette E, Posey LM (2007), *Evidence – based pharmacotherapy: optional patient care = best knowledge + competent practioner*, American Pharmacist Association.
4. Slaughter RL, Edwards DJ (2001), *Evaluating drug literature: a statistical approach*, Mc Graw Hill.

5. Ann Lee (2006), *Adverse Drug Reactions*, Pharmaceutical Press, 2 edition.
6. JK Aronson, et al. (2006), *Meyler's side effect of drugs -The International Encyclopedia of Adverse drug reactions and interactions*, Elsevier Science, 15 edition.
7. DiPiro J., Talbert R., Yee G., and Matzke G. (2016), *Pharmacotherapy: A Pathophysiologic Approach*, McGraw-Hill, 10th edition.
8. Schwinghammer T. and Koehler J. (2017), *Pharmacotherapy Casebook: A Patient-Focused Approach*, McGraw-Hill, 10th edition.

9. Phương pháp dạy học

9.1. Phương pháp dạy/học: áp dụng phương pháp dạy /học tích cực:

Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình kết hợp giảng dạy tích cực theo mục tiêu từng nội dung môn học.

Thực hành: thực hành tra cứu thông tin trên các nguồn cơ sở dữ liệu, buổi học phân tích ca lâm sàng cụ thể (case-based discussion). Với nội dung xây dựng chuyên luận tra cứu 1 thuốc cụ thể trong danh mục thuốc bệnh viện dựa trên bằng chứng, giao cho học viên chuẩn bị bài trước dựa vào các tài liệu đã có, sau đó tổ chức thảo luận trên lớp theo nhóm.

Phương pháp học tập: học viên nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm

Thực hành: thực hành tra cứu tài liệu, tổng hợp, đánh giá thông tin, viết báo cáo và báo cáo kết quả theo nhóm.

9.2. Vật liệu để dạy/học:

Gồm phấn, bảng, micro, loa, máy tính, máy chiếu projector, sách chuyên khảo trong mục tài liệu tham khảo.

10. Phương pháp đánh giá

10.1. Hình thức kiểm tra và thi hết môn:

- Đánh giá thường kỳ: câu hỏi T/F, MCQ.
- Điểm thực hành: mỗi bài thực hành đều tính điểm theo báo cáo cuối buổi.
Điểm thực hành là điểm trung bình chung của tất cả các bài thực hành.
- Thi kết thúc học phần: thi trắc nghiệm: câu hỏi T/F, MCQ, SAQ.

10.2. Cách tính điểm môn học:

1) Điểm thực hành	Trọng số	50 %
2) Thi kết thúc học phần (ĐT)	Trọng số	50 %
3) Tổng trọng số		100%

Công thức tính điểm môn học:

$$\mathbf{ĐMH = ĐTH \times 0.5 + ĐT \times 0.5}$$

HỌC PHẦN
DƯỢC ĐỘNG HỌC LÂM SÀNG

1. Mã số: CN102

2. Số tín chỉ: 02 LT: 02 TH: 0

3. Số tiết học: 30 LT: 30 TH: 0

4. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy

Bộ môn Dược lâm sàng – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Cán bộ giảng dạy:

- PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng – Trưởng khoa Dược, ĐHYD HP
- TS.DS. Trần Thị Ngân, Phụ trách bộ môn Dược lâm sàng, ĐHYD HP
- TS.BS Nguyễn Thị Thu Phương, Trưởng bộ môn Dược lý, ĐHYD HP

5. Mô tả môn học

Học phần này sẽ giúp học viên áp dụng các kiến thức liên quan đến dược động học của thuốc trong việc theo dõi nồng độ thuốc trong máu để theo dõi hiệu quả và tính an toàn khi sử dụng một số nhóm thuốc.

Môn học tiên quyết: không

6. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, học viên có khả năng:

- Ứng dụng được các biến đổi về dược động học trong cá thể hóa điều trị.
- Trình bày được các kiến thức về giám sát điều trị thông qua theo dõi nồng độ thuốc trong máu (TDM).

7. Nội dung:

STT	Nội dung	Số tiết
1	Ứng dụng lâm sàng của các thông số dược động học	8
2	Khái niệm về theo dõi nồng độ thuốc trong điều trị	4
3	(TDM)	6
4	TDM nhóm kháng sinh aminoglycosid, vancomycin	4
5	TDM thuốc điều trị hen: theophylin	4
6	TDM thuốc trị động kinh: phenytoin, valproic acid	4

	TDM thuốc ức chế miễn dịch: cyclosporin.	
Tổng cộng		30

8. Tài liệu học tập

Tài liệu học tập chính: tài liệu do bộ môn biên soạn

Tài liệu tham khảo

1. Malcolm Rowland, Thomas N Tozer. *Clinical Pharmacokinetics: Concepts and Applications 3th edition*. Lippincott Williams & Wilkins, 1995
2. Larry A. Bauer. *Applied Clinical Pharmacokinetics 2nd*, Ed McGraw- Hill Medical. 2008
3. Ronald D. Schoenwald. *Pharmacokinetics in drug discovery & development*. CRC 2002
4. Peter Welling. *Pharmacokinetics: Regulatory, Industrial, Academic Perspectives*, Informa Health Care
5. Malcolm Rowland, T.T., *Clinical Pharmacokinetics and Pharmacodynamics. Concepts and Application*. 4th ed. 2009: Lippincott Williams & Wilkins.

9. Phương pháp dạy học

9.1. Phương pháp dạy/học: áp dụng phương pháp dạy /học tích cực:

Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình kết hợp giảng dạy tích cực theo mục tiêu từng nội dung môn học.

Phương pháp học tập: học viên nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm

9.2. Vật liệu để dạy/học:

Gồm phấn, bảng, micro, loa, máy tính, máy chiếu projector, sách chuyên khảo trong mục tài liệu tham khảo.

10. Phương pháp đánh giá

10.1. Hình thức kiểm tra và thi hết môn:

- Đánh giá thường kỳ: câu hỏi T/F, MCQ.
- Thi kết thúc học phần: tự luận hoặc tiểu luận

10.2. Cách tính điểm môn học:

1) Điểm kiểm tra thường kỳ lần 1 (ĐTK1)	Trọng số	10 %
2) Điểm kiểm tra thường kỳ lần 2 (ĐTK2)	Trọng số	10 %
3) Thi kết thúc học phần (ĐT)	Trọng số	80 %
4) Tổng trọng số		100%

Công thức tính điểm môn học:

$$\mathbf{ĐMH = (ĐTK1 \times 0.1) + (ĐTK2 \times 0.1) + (ĐT \times 0.8)}$$

HỌC PHẦN
SỬ DỤNG THUỐC TRONG ĐIỀU TRỊ I

1. Mã số: CN103

2. Số tín chỉ: 03 **LT: 03** **TH: 0**

3. Số tiết học: 45 **LT: 45** **TH: 0**

4. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy

Bộ môn Dược lý – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Cán bộ giảng dạy:

- PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng – Trưởng khoa Dược, ĐHYD HP
- TS.BS. Nguyễn Thị Thu Phương, Trưởng bộ môn Dược lý, ĐHYD HP
- TS.BS. Vũ Mạnh Tân, trưởng bộ môn Nội, ĐHYD HP
- PGS.TS Nguyễn Văn Linh, Trưởng bộ môn Dị ứng – Miễn dịch lâm sàng, ĐHYD HP

5. Mô tả môn học

Trong học phần này, học viên sẽ được cung cấp kiến thức cần thiết liên quan đến việc sử dụng thuốc trong quá trình điều trị cho các nhóm bệnh sau:

- Bệnh lý tim mạch
- Đái tháo đường
- Rối loạn lipid máu
- Hen, COPD
- Các bệnh lý miễn dịch, dị ứng
- Một số bệnh lý tâm thần

Môn học tiên quyết: Bệnh học nội khoa

6. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, học viên có khả năng:

- Trình bày được các kiến thức bệnh học liên quan đến bệnh lý tim mạch, đái tháo đường, rối loạn lipid máu, hen, COPD, các bệnh dị ứng – miễn dịch, một số bệnh lý tâm thần
- Trình bày được các kiến thức liên quan đến điều trị các bệnh kể trên: mục tiêu điều trị, nguyên tắc điều trị, cách thiết lập phác đồ điều trị, hướng dẫn tuân

thủ điều trị; sử dụng các guideline dựa trên bằng chứng làm cơ sở cá thể hóa điều trị.

- Trình bày được các thuốc cụ thể trong điều trị các bệnh kể trên: các đặc tính dược lực học và dược động học liên quan đến sử dụng thuốc hợp lý, phản ứng bất lợi của thuốc và cách khắc phục.

7. Nội dung:

STT	Nội dung	Số tiết
1	Sử dụng thuốc trong điều trị tăng huyết áp	6
2	Sử dụng thuốc chống huyết khối	3
3	Sử dụng thuốc trong điều trị đái tháo đường	6
4	Sử dụng thuốc trong điều trị rối loạn lipid máu	6
5	Sử dụng thuốc trong điều trị hen	6
6	Sử dụng thuốc trong điều trị COPD	6
7	Sử dụng thuốc trong điều trị bệnh dị ứng – miễn dịch	6
8	Sử dụng thuốc trong điều trị một số bệnh lý tâm thần	6
Tổng cộng		45

8. Tài liệu học tập

Tài liệu học tập chính: tài liệu do bộ môn biên soạn

Tài liệu tham khảo

1. *Bệnh học nội khoa tập 1, trường Đại học Y Dược Hải Phòng biên soạn*
2. *Bệnh học nội khoa tập 2, trường Đại học Y Dược Hải Phòng biên soạn*
3. Bộ môn Dược lâm sàng – Trường ĐH Dược Hà Nội (2007), *Dược lâm sàng và điều trị*, Nhà xuất bản Y học.
4. Walker R., Whittlesea C (2018), *Clinical Pharmacy and Therapeutics*, Churchill Livingstone, 6th edition.
5. DiPiro J., Talbert R., Yee G., and Matzke G. (2016), *Pharmacotherapy: A Pathophysiologic Approach*, McGraw-Hill, 10th edition.
6. Schwinghammer T. and Koehler J. (2017), *Pharmacotherapy Casebook: A Patient-Focused Approach*, McGraw-Hill, 10th edition

9. Phương pháp dạy học

9.1. Phương pháp dạy/học: áp dụng phương pháp dạy /học tích cực:

Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình kết hợp giảng dạy tích cực theo mục tiêu từng nội dung môn học.

Phương pháp học tập: học viên nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm

9.2. Vật liệu để dạy/học:

Gồm phấn, bảng, micro, loa, máy tính, máy chiếu projector, sách chuyên khảo trong mục tài liệu tham khảo.

10. Phương pháp đánh giá

10.1. Hình thức kiểm tra và thi hết môn:

- Đánh giá thường kỳ: câu hỏi T/F, MCQ.
- Thi kết thúc học phần: tự luận

10.2. Cách tính điểm môn học:

1) Điểm kiểm tra thường kỳ lần 1 (ĐTK1)	Trọng số	10 %
2) Điểm kiểm tra thường kỳ lần 2 (ĐTK2)	Trọng số	10 %
3) Thi kết thúc học phần (ĐT)	Trọng số	80 %
4) Tổng trọng số		100%

Công thức tính điểm môn học:

$$\text{ĐMH} = (\text{ĐTK1} \times 0.1) + (\text{ĐTK2} \times 0.1) + (\text{ĐT} \times 0.8)$$

HỌC PHẦN SỬ DỤNG THUỐC TRONG ĐIỀU TRỊ II

1. Mã số: CN104

2. Số tín chỉ: 03 LT: 03 TH: 0

3. Số tiết học: 45 LT: 45 TH: 0

4. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy

Bộ môn Dược lý – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Cán bộ giảng dạy:

- PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng – Trưởng khoa Dược, ĐHYD HP
- TS.BS. Nguyễn Thị Thu Phương, Trưởng bộ môn Dược lý, ĐHYD HP
- PGS.TS. Nguyễn Ngọc Sáng. Giảng viên Bộ môn Nhi, ĐHYD HP
- TS.BS. Nguyễn Thị Thúy Hiếu, giảng viên bộ môn Y học gia đình, ĐHYD HP
- PGS.TS Nguyễn Lam Hòa, Trưởng bộ môn Ung bướu, ĐHYD HP

5. Mô tả môn học

Trong học phần này, học viên sẽ được cung cấp kiến thức cần thiết liên quan đến việc sử dụng thuốc trong quá trình điều trị cho các nhóm bệnh/đối tượng bệnh nhân sau:

- Trong điều trị nhiễm khuẩn
- Kháng sinh trong dự phòng phẫu thuật
- Bệnh nhân hồi sức tích cực
- Trẻ em và người cao tuổi
- Bệnh nhân ung thư.

Môn học tiên quyết: Bệnh học nội khoa

6. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, học viên có khả năng:

- Trình bày được các kiến thức bệnh học liên quan đến điều trị nhiễm khuẩn và điều trị ung thư
- Trình bày được các thuốc cụ thể trong điều trị nhiễm khuẩn và điều trị ung thư: các đặc tính dược lực học và dược động học liên quan đến sử dụng thuốc hợp lý, phản ứng bất lợi của thuốc và cách khắc phục.

- Trình bày được những thay đổi về dược lực – dược động học từ đó có những lưu ý khi sử dụng thuốc trên đối tượng bệnh nhân trẻ em, cao tuổi và bệnh nhân hồi sức tích cực.

7. Nội dung:

STT	Nội dung	Số tiết
1	Sử dụng thuốc trong điều trị nhiễm khuẩn	8
2	Kháng sinh trong dự phòng phẫu thuật	5
3	Sử dụng thuốc trong chuyên ngành ung thư	8
4	Sử dụng thuốc trên bệnh nhân hồi sức tích cực	8
5	Sử dụng thuốc trên trẻ em	8
6	Sử dụng thuốc trên người cao tuổi	8
Tổng cộng		45

8. Tài liệu học tập

Tài liệu học tập chính: tài liệu do bộ môn biên soạn

Tài liệu tham khảo

1. *Bệnh học nội khoa tập 1, trường Đại học Y Dược Hải Phòng biên soạn*
2. *Bệnh học nội khoa tập 2, trường Đại học Y Dược Hải Phòng biên soạn*
3. Bộ môn Dược lâm sàng – Trường ĐH Dược Hà Nội (2007), *Dược lâm sàng và điều trị*, Nhà xuất bản Y học.
4. Walker R., Whittlesea C (2018), *Clinical Pharmacy and Therapeutics*, Churchill Livingstone, 6th edition.
5. DiPiro J., Talbert R., Yee G., and Matzke G. (2016), *Pharmacotherapy: A Pathophysiologic Approach*, McGraw-Hill, 10th edition.
6. Schwinghammer T. and Koehler J. (2017), *Pharmacotherapy Casebook: A Patient-Focused Approach*, McGraw-Hill, 10th edition

9. Phương pháp dạy học

9.1. Phương pháp dạy/học: áp dụng phương pháp dạy /học tích cực:

Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình kết hợp giảng dạy tích cực theo mục tiêu từng nội dung môn học.

Phương pháp học tập: học viên nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm

9.2. Vật liệu để dạy/học:

Gồm phấn, bảng, micro, loa, máy tính, máy chiếu projector, sách chuyên khảo trong mục tài liệu tham khảo.

10. Phương pháp đánh giá

10.1. Hình thức kiểm tra và thi hết môn:

- Đánh giá thường kỳ: câu hỏi T/F, MCQ.
- Thi kết thúc học phần: tự luận

10.2. Cách tính điểm môn học:

1) Điểm kiểm tra thường kỳ lần 1 (ĐTK1)	Trọng số	10 %
2) Điểm kiểm tra thường kỳ lần 2 (ĐTK2)	Trọng số	10 %
3) Thi kết thúc học phần (ĐT)	Trọng số	80 %
4) Tổng trọng số		100%

Công thức tính điểm môn học:

$$\text{ĐMH} = (\text{ĐTK1} \times 0.1) + (\text{ĐTK2} \times 0.1) + (\text{ĐT} \times 0.8)$$

HỌC PHẦN

THỰC HÀNH DƯỢC LÂM SÀNG I

1. Mã số: CN105

2. Số tín chỉ: 04

LT: 0

TH: 04

3. Số tiết học: 120

LT: 0

TH: 120

4. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy

Bộ môn Dược lâm sàng – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Cán bộ giảng dạy:

- PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng – Trưởng khoa Dược, ĐHYD HP
- TS.BS. Nguyễn Thị Thu Phương, giảng viên khoa Dược, ĐHYD HP
- TS.DS. Trần Thị Ngân, giảng viên khoa Dược, ĐHYD HP
- TS.DS. Phạm Văn Trường, giảng viên khoa Dược, ĐHYD HP
- TS.DS. Phạm Thị Anh, giảng viên khoa Dược, ĐHYD HP
- TS.DS. Ngô Thị Quỳnh Mai, giảng viên khoa Dược, ĐHYD HP

5. Mô tả môn học

Trong học phần này, học viên sẽ được thực hành và áp dụng các kiến thức đã học để triển khai các hoạt động dược lâm sàng tại khoa dược bệnh viện.

Môn học tiên quyết: Dược động học lâm sàng, Thông tin thuốc và Cảnh giác dược.

6. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, học viên có khả năng:

- Tham gia các hoạt động dược lâm sàng tại khoa Dược bệnh viện
- Phân tích, đánh giá việc sử dụng thuốc.

7. Nội dung:

TT	Nội dung	Địa điểm	Số tiết
1	Giới thiệu hoạt động dược lâm sàng Ý tưởng triển khai hoạt động dược lâm sàng	ĐH Y dược Hải Phòng	4 tiết
2	- Tìm hiểu mô hình bệnh tật của bệnh viện, phần mềm quản lí khoa Dược	Khoa Dược bệnh viện (BV)	116 tiết

	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng công cụ hỗ trợ hoạt động dược lâm sàng: xây dựng các danh mục tương tác thuốc, hướng dẫn sử dụng thuốc tiêm truyền, các thuốc cần hiệu chỉnh liều, danh mục các thuốc không nhai – bẻ - nghiền, danh mục hướng dẫn thời điểm dùng thuốc... - Tham gia phân tích, đánh giá tình hình sử dụng thuốc của bệnh viện (phân tích ABC- VEN, liều DDD...) - Tham gia xây dựng/rà soát các qui trình phục vụ giám sát việc sử dụng thuốc trong bệnh viện - Tham gia xây dựng/rà soát qui trình và triển khai thực hiện công tác thu thập báo cáo ADR - Tham gia thực hiện công tác thông tin thuốc của bệnh viện - Tư vấn sử dụng thuốc cho bệnh nhân mua thuốc tại nhà thuốc, nơi xuất viện 	Hữu nghị Việt Tiếp, BV Đại học Y Hải Phòng, BV Đa khoa Quốc tế Hải Phòng, BV Trẻ em Hải Phòng, BV Kiến An)	
Tổng cộng			120 tiết

8. Tài liệu học tập

Tài liệu học tập chính: tài liệu do bộ môn biên soạn

Tài liệu tham khảo

1. Thông tư 22/2011/TT-BYT do Bộ Y tế ban hành ngày 22/6/2011 về việc “Quy định tổ chức và hoạt động của khoa Dược bệnh viện”
2. Thông tư 31/2012/TT-BYT do Bộ Y tế ban hành ngày 20/12/2012 về việc “Hướng dẫn hoạt động lâm sàng trong bệnh viện”

3. Thông tư 19/2018/TT-BYT do Bộ Y tế ban hành ngày 30/8/2018 về việc “Ban hành danh mục thuốc thiết yếu”
4. Maloire PM, Kier KL, Stanovich JE (2006), *Drug Information: a guide for pharmacists 3rd edition*, Mc Graw Hill.
5. Chiquette E, Posey LM (2007), *Evidence – based pharmacotherapy: optional patient care = best knowledge + competent practioner*, American Pharmacist Association.
6. Slaughter RL, Edwards DJ (2001), *Evaluating drug literature: a statistical approach*, Mc Graw Hill.

9. Phương pháp dạy học

9.1. Phương pháp dạy/học:

Phương pháp giảng dạy: giảng dạy tích cực theo mục tiêu từng nội dung thực tập

Phương pháp học tập: quan sát, thực hành thực tế.

9.2. Vật liệu để dạy/học:

Gồm phấn, bảng, micro, loa, máy tính, máy chiếu projector, sách chuyên khảo trong mục tài liệu tham khảo.

10. Phương pháp đánh giá

10.1. Hình thức kiểm tra và thi hết môn:

- Điểm kết thúc học phần tính dựa trên điểm trên phiếu đánh giá kết quả thực tế do cơ sở thực tập đánh giá và điểm báo cáo thu hoạch.

10.2. Cách tính điểm môn học:

1) Điểm chuyên cần (ĐCC)	Trọng số	10 %
2) Điểm cơ sở thực tập đánh giá (ĐCS)	Trọng số	40 %
3) Báo cáo thu hoạch (ĐBC)	Trọng số	50 %
4) Tổng trọng số		100%

Công thức tính điểm môn học:

$$\text{ĐMH} = (\text{ĐCC} \times 0.1) + (\text{ĐCS} \times 0.4) + (\text{ĐBC} \times 0.5)$$

HỌC PHẦN
THỰC HÀNH DƯỢC LÂM SÀNG II

1. Mã số: CN106

2. Số tín chỉ: 04 LT: 0 TH: 04

3. Số tiết học: 120 LT: 0 TH: 120

4. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy

Bộ môn Dược lâm sàng – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Cán bộ giảng dạy:

- PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng – Trưởng khoa Dược, ĐHYD HP
- TS.BS. Nguyễn Thị Thu Phương, giảng viên khoa Dược, ĐHYD HP
- TS.DS. Trần Thị Ngân, giảng viên khoa Dược, ĐHYD HP
- TS.DS. Phạm Văn Trường, giảng viên khoa Dược, ĐHYD HP
- TS.DS. Phạm Thị Anh, giảng viên khoa Dược, ĐHYD HP
- PGS.TS. Nguyễn Ngọc Sáng, Bộ môn Nhi, Bệnh viện Trẻ em, Đại học Y Dược Hải Phòng

5. Mô tả môn học

Trong học phần này, học viên sẽ được thực hành và áp dụng các kiến thức đã học để triển khai các hoạt động dược lâm sàng tại các khoa lâm sàng tại bệnh viện chuyên khoa nhi, bao gồm: khoa sơ sinh, khoa hô hấp, khoa thận – máu - nội tiết và khoa tiêu hóa.

Môn học tiên quyết: Dược động học lâm sàng, Thông tin thuốc và Cảnh giác dược, Bệnh học nội khoa, Sử dụng thuốc trong điều trị 1, Sử dụng thuốc trong điều trị 2.

6. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, học viên có khả năng:

- Hiểu hoạt động của các khoa lâm sàng, cơ cấu bệnh tật của bệnh viện chuyên khoa
- Tham gia hoạt động dược lâm sàng tại khoa lâm sàng tại bệnh viện chuyên khoa nhi.

7. Nội dung:

TT	Nội dung	Địa điểm	Số tiết
1	Giới thiệu hoạt động dược lâm sàng trên nhi khoa	ĐH Y dược Hải Phòng	4 tiết
2	<ul style="list-style-type: none"> - Khai thác thông tin của người bệnh (bao gồm cả khai thác thông tin trên bệnh án và tiến hành phỏng vấn trực tiếp người bệnh) về: <ul style="list-style-type: none"> + Tiền sử sử dụng thuốc; + Tóm tắt các dữ kiện lâm sàng và các kết quả cận lâm sàng đã có. - Xem xét các thuốc được kê đơn cho người bệnh (trong quá trình đi buồng bệnh cùng với bác sĩ và xem xét y lệnh trong hồ sơ bệnh án, đơn thuốc), phát hiện có vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc, dược sĩ lâm sàng trao đổi với bác sĩ điều trị để tối ưu hóa việc dùng thuốc - Hướng dẫn sử dụng thuốc cho điều dưỡng viên. - Phối hợp với bác sĩ điều trị để cung cấp thông tin tư vấn cho người bệnh về những điều cần lưu ý trong quá trình sử dụng thuốc. 	Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng: <ul style="list-style-type: none"> - Khoa sơ sinh - Khoa hô hấp - Khoa tiêu hóa - Khoa thận – máu – nội tiết 	116 tiết Khoa sơ sinh Khoa hô hấp - Khoa tiêu hóa - Khoa thận – máu – nội tiết
Tổng cộng			120 tiết

8. Tài liệu học tập

Tài liệu học tập chính: tài liệu do bộ môn biên soạn

Tài liệu tham khảo

1. Thông tư 22/2011/TT-BYT do Bộ Y tế ban hành ngày 22/6/2011 về việc “Quy định tổ chức và hoạt động của khoa Dược bệnh viện”
2. Thông tư 31/2012/TT-BYT do Bộ Y tế ban hành ngày 20/12/2012 về việc “Hướng dẫn hoạt động lâm sàng trong bệnh viện”
3. Thông tư 19/2018/TT-BYT do Bộ Y tế ban hành ngày 30/8/2018 về việc “Ban hành danh mục thuốc thiết yếu”
4. Maloire PM, Kier KL, Stanovich JE (2005), *Drug Information: a guide for pharmacists 3rd edition*, Mc Graw Hill.
5. Chiquette E, Posey LM (2007), *Evidence – based pharmacotherapy: optional patient care = best knowledge + competent practioner*, American Pharmacist Association.
6. Slaughter RL, Edwards DJ (2001), *Evaluating drug literature: a statistical approach*, Mc Graw Hill.
7. Walker R., Whittlesea C (2018), *Clinical Pharmacy and Therapeutics*, Churchill Livingstone, 6th edition.
8. DiPiro J., Talbert R., Yee G., and Matzke G. (2016), *Pharmacotherapy: A Pathophysiologic Approach*, McGraw-Hill, 10th edition.
9. Schwinghammer T. and Koehler J. (2017), *Pharmacotherapy Casebook: A Patient-Focused Approach*, McGraw-Hill, 10th edition

9. Phương pháp dạy học

9.1. Phương pháp dạy/học:

Phương pháp giảng dạy: giảng dạy tích cực theo mục tiêu từng nội dung thực tập

Phương pháp học tập: quan sát, thực hành thực tế.

9.2. Vật liệu để dạy/học:

Gồm phần, bảng, micro, loa, máy tính, máy chiếu projector, sách chuyên khảo trong mục tài liệu tham khảo.

10. Phương pháp đánh giá

10.1. Hình thức kiểm tra và thi hết môn:

Điểm kết thúc học phần tính dựa trên điểm trên phiếu đánh giá kết quả thực tế do cơ sở thực tập đánh giá và điểm báo cáo thu hoạch.

10.2. Cách tính điểm môn học:

1) Điểm chuyên cần (ĐCC)	Trọng số	10 %
2) Điểm cơ sở thực tập đánh giá (ĐCS)	Trọng số	40 %
3) Báo cáo thu hoạch (ĐBC)	Trọng số	50 %
4) Tổng trọng số		100%

Công thức tính điểm môn học:

$$\mathbf{ĐMH = (ĐCC \times 0.1) + (ĐCS \times 0.4) + (ĐBC \times 0.5)}$$

HỌC PHẦN

THỰC HÀNH DƯỢC LÂM SÀNG III

1. Mã số: CN107

2. Số tín chỉ: 04 LT: 0 TH: 04

3. Số tiết học: 120 LT: 0 TH: 120

4. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy

Bộ môn Dược lâm sàng – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Cán bộ giảng dạy:

- PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng – Trưởng khoa Dược, ĐHYD HP
- TS.BS. Nguyễn Thị Thu Phương, giảng viên khoa Dược, ĐHYD HP
- TS.DS. Trần Thị Ngân, giảng viên khoa Dược, ĐHYD HP
- TS.DS. Phạm Văn Trường, giảng viên khoa Dược, ĐHYD HP
- TS.BS. Vũ Mạnh Tân, Bộ môn Nội, trường Đại học Y Dược Hải Phòng

5. Mô tả môn học

Trong học phần này, học viên sẽ được thực hành và áp dụng các kiến thức đã học để triển khai các hoạt động dược lâm sàng tại các khoa lâm sàng liên quan đến các bệnh nội khoa, bao gồm: tim mạch, hô hấp, thận – máu - nội tiết và tiêu hóa.

Môn học tiên quyết: Dược động học lâm sàng, Thông tin thuốc và Cảnh giác dược, Bệnh học nội khoa, Sử dụng thuốc trong điều trị 1, Sử dụng thuốc trong điều trị 2.

6. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, học viên có khả năng:

- Hiểu hoạt động của các khoa lâm sàng, cơ cấu bệnh tật của bệnh viện đa khoa
- Tham gia hoạt động dược lâm sàng tại khoa lâm sàng

7. Nội dung:

TT	Nội dung	Địa điểm	Số tiết
1	Cách thức triển khai hoạt động dược lâm sàng trên khoa lâm sàng	ĐH Y dược Hải Phòng	4 tiết
2	<ul style="list-style-type: none"> - Khai thác thông tin của người bệnh (bao gồm cả khai thác thông tin trên bệnh án và tiến hành phỏng vấn trực tiếp người bệnh) về: <ul style="list-style-type: none"> + Tiền sử sử dụng thuốc; + Tóm tắt các dữ kiện lâm sàng và các kết quả cận lâm sàng đã có. - Xem xét các thuốc được kê đơn cho người bệnh (trong quá trình đi buồng bệnh cùng với bác sĩ và xem xét y lệnh trong hồ sơ bệnh án, đơn thuốc), phát hiện có vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc, dược sĩ lâm sàng trao đổi với bác sĩ điều trị để tối ưu hóa việc dùng thuốc - Hướng dẫn sử dụng thuốc cho điều dưỡng viên. - Phối hợp với bác sĩ điều trị để cung cấp thông tin tư vấn cho người bệnh về những điều cần lưu ý trong quá trình sử dụng thuốc. 	Bệnh viện đa khoa (BV Hữu Nghị Việt Tiệp, BV Đại học Y Hải Phòng, BV Đa khoa Quốc tế, BV Kiến An): <ul style="list-style-type: none"> - Khoa tim mạch - Khoa hô hấp - Khoa tiêu hóa - Khoa thận – máu – nội tiết 	116 tiết <ul style="list-style-type: none"> - Khoa tim mạch Khoa hô hấp - Khoa tiêu hóa - Khoa thận – máu – nội tiết
Tổng cộng			120 tiết

8. Tài liệu học tập

Tài liệu học tập chính: tài liệu do bộ môn biên soạn

Tài liệu tham khảo

1. Thông tư 22/2011/TT-BYT do Bộ Y tế ban hành ngày 22/6/2011 về việc “Quy định tổ chức và hoạt động của khoa Dược bệnh viện”
2. Thông tư 31/2012/TT-BYT do Bộ Y tế ban hành ngày 20/12/2012 về việc “Hướng dẫn hoạt động lâm sàng trong bệnh viện”
3. Thông tư 19/2018/TT-BYT do Bộ Y tế ban hành ngày 30/8/2018 về việc “Ban hành danh mục thuốc thiết yếu”
4. Maloire PM, Kier KL, Stanovich JE (2005), *Drug Information: a guide for pharmacists 3rd edition*, Mc Graw Hill.
5. Chiquette E, Posey LM (2007), *Evidence – based pharmacotherapy: optional patient care = best knowledge + competent practioner*, American Pharmacist Association.
6. Slaughter RL, Edwards DJ (2001), *Evaluating drug literature: a statistical approach*, Mc Graw Hill.
7. Walker R., Whittlesea C (2018), *Clinical Pharmacy and Therapeutics*, Churchill Livingstone, 6th edition.
8. DiPiro J., Talbert R., Yee G., and Matzke G. (2016), *Pharmacotherapy: A Pathophysiologic Approach*, McGraw-Hill, 10th edition.
9. Schwinghammer T. and Koehler J. (2017), *Pharmacotherapy Casebook: A Patient-Focused Approach*, McGraw-Hill, 10th edition

9. Phương pháp dạy học

9.1. Phương pháp dạy/học:

Phương pháp giảng dạy: giảng dạy tích cực theo mục tiêu từng nội dung thực tập

Phương pháp học tập: quan sát, thực hành thực tế.

9.2. Vật liệu để dạy/học:

Gồm phần, bảng, micro, loa, máy tính, máy chiếu projector, sách chuyên khảo trong mục tài liệu tham khảo.

10. Phương pháp đánh giá

10.1. Hình thức kiểm tra và thi hết môn:

- Điểm kết thúc học phần tính dựa trên điểm trên phiếu đánh giá kết quả thực tế do cơ sở thực tập đánh giá và điểm báo cáo thu hoạch.

10.2. Cách tính điểm môn học:

1) Điểm chuyên cần (ĐCC)	Trọng số	10 %
2) Điểm cơ sở thực tập đánh giá (ĐCS)	Trọng số	40 %
3) Báo cáo thu hoạch (ĐBC)	Trọng số	50 %
4) Tổng trọng số		100%

Công thức tính điểm môn học:

$$\text{ĐMH} = (\text{ĐCC} \times 0.1) + (\text{ĐCS} \times 0.4) + (\text{ĐBC} \times 0.5)$$

HỌC PHẦN: KỸ NĂNG GIAO TIẾP VÀ TƯ VẤN SỬ DỤNG THUỐC

1. Mã số: TC101

2. Số tín chỉ: 02 LT : 01 TH: 01

3. Số tiết học: 45 LT : 15 TH: 30

4. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy

Bộ môn Quản lý và Kinh tế dược – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Cán bộ giảng dạy:

- PGS.TS. Trần Nhân Thắng, Khoa Dược, Bệnh viện Bạch Mai.
- TS. DS. Phạm Văn Trường, Trưởng bộ môn Quản lý và Kinh tế dược, Đại học Y Dược Hải Phòng.

5. Môn học tiên quyết: Không

6. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, học viên có khả năng: trình bày được vai trò của người dược sĩ và kỹ năng giao tiếp trong thực hành nghề nghiệp: lắng nghe và đồng cảm với người bệnh; tham vấn cho người bệnh; kỹ năng giao tiếp trong một số tình huống đặc biệt.

7. Nội dung:

STT	Nội dung	Số tiết
1	Lý thuyết	15
1.1	Kỹ năng giao tiếp cơ bản	4
1.2	Kỹ năng khai thác bệnh án, kỹ năng giao tiếp khai thác thông tin từ bệnh nhân	4
1.3	Kỹ năng giáo dục, tư vấn sử dụng thuốc cho bệnh nhân	4
1.4	Kỹ năng trao đổi, cung cấp thông tin cho cán bộ y tế	4
2	Thực hành	30
Bài 1	Tình huống giao tiếp cơ bản	8
Bài 2	Khai thác bệnh án, khai thác thông tin từ bệnh nhân, người nhà bệnh nhân	4
Bài 3	Giáo dục, tư vấn sử dụng thuốc cho bệnh nhân	10
Bài 4	Cung cấp thông tin về thuốc cho cán bộ y tế	8
	Tổng cộng	45

8. Tài liệu học tập

Tài liệu học tập chính: tài liệu do bộ môn biên soạn

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thanh Bình, Lê Việt Hùng (2011), *Kỹ năng giao tiếp và thực hành tốt tại nhà thuốc (sách dùng cho đào tạo dược sĩ và học viên sau đại học)*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
2. Bộ y tế (2018), *Nguyên tắc thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc* (Ban hành kèm theo thông tư số 02/2018/TT-BYT)
3. Albert I. Wertheimer, Mickey C. Smith (1989), *Pharmacy practice – Social and Behavioral Aspects*, Third Edition, Williams & Wilkins.
4. FIP (1993), *Standards for quality of pharmacy services*, The Tokyo Declaration, Tokyo.
5. Jonathan D. Quick and al (1997), *Managing Drug Supply*, Second edition, Kumarian Press.
6. Mims(2005), *Pharmacy guide*, Fifth Edition, CMPMedica, United Business Media.
7. William N. Tindall, Robert S. Beardsley, Carole L. Kimberlin(1994), *Communication Skills in Pharmacy Practice*, Third Edition, Lippincott Williams & Wilkins.

9. Phương pháp dạy học

9.1. Phương pháp dạy/học: áp dụng phương pháp dạy /học tích cực:

Phương pháp giảng dạy:

Lý thuyết: thuyết trình kết hợp giảng dạy tích cực theo mục tiêu từng nội dung môn học.

Thực hành: phân tích tình huống lâm sàng cụ thể (case-based discussion), đóng vai, thảo luận nhóm. Với một số nội dung giao cho học viên chuẩn bị bài trước dựa vào các tài liệu đã có, sau đó tổ chức thảo luận trên lớp theo nhóm.

Phương pháp học tập:

Lý thuyết: học viên nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.

Thực hành: đóng vai, thảo luận nhóm.

9.2. Vật liệu để dạy/học:

Gồm phấn, bảng, micro, loa, máy tính, máy chiếu projector, đơn vị skillslab của trường.

10. Phương pháp đánh giá

10.1. Hình thức kiểm tra và thi hết môn:

- Kiểm tra giữa kì:
- Thi kết thúc học phần: tự luận hoặc tiểu luận

10.2. Cách tính điểm môn học:

- | | | |
|--------------------------------|----------|-------------|
| • Điểm kiểm tra giữa kì (ĐKT1) | Trọng số | 10 % |
| • Điểm thực hành (ĐTH) | Trọng số | 30 % |
| • Thi kết thúc học phần (ĐT) | Trọng số | 60 % |
| • Tổng trọng số | | 100% |

Công thức tính điểm môn học:

$$\text{ĐMH} = (\text{ĐKT } 1 \times 0.1) + (\text{ĐTH} \times 0.3) + (\text{ĐT} \times 0.6)$$

HỌC PHẦN: ĐÁNH GIÁ VÀ QUẢN LÝ TƯƠNG TÁC THUỐC

1. Mã số: TC102

2. Số tín chỉ: 02 LT : 01 TH: 01

3. Số tiết học: 45 LT : 15 TH: 30

4. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy

Bộ môn Dược lâm sàng – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Cán bộ giảng dạy:

- TS. DS. Trần Thị Ngân – Phụ trách bộ môn Dược lâm sàng, ĐHYD HP.
- TS. BS. Nguyễn Thị Thu Phương – Trưởng bộ môn Dược lý, ĐHYD HP.
- TS. DS. Phạm Thị Anh – Giảng viên bộ môn Dược cổ truyền, ĐHYD HP.

5. Mô tả môn học

Môn học cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản trong đánh giá, quản lý, giảm thiểu tương tác thuốc bất lợi trên lâm sàng, đồng thời cung cấp các kỹ năng tìm kiếm thông tin, đánh giá và quản lý tương tác trong thực hành lâm sàng.

Môn học tiên quyết : thông tin thuốc và cảnh giác dược

6. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, học viên có khả năng:

- Trình bày được các nguyên tắc cơ bản trong đánh giá và quản lý tương tác thuốc bất lợi.
- Ứng dụng được các cơ sở dữ liệu về tương tác thuốc để giải quyết các tình huống lâm sàng cụ thể.

7. Nội dung:

STT	Nội dung	Số tiết
1	Lý thuyết	15
1.1	Các nguyên tắc cơ bản trong đánh giá và quản lý tương tác thuốc bất lợi	3
1.2	Cơ chế tương tác thuốc, mức độ tương tác thuốc	4
1.3	Tương kỵ thuốc tiêm truyền	4

1.4	Các cơ sở dữ liệu trong quản lý tương tác thuốc Sử dụng bằng chứng trong phân tích và quản lý tương	4
2	Thực hành	30
Bài 1	Thực hành trên một số phần mềm offline và một số cơ sở dữ liệu online	8
Bài 2	Phân tích cơ chế và đề xuất biện pháp quản lý tương tác thuốc, tương kỵ dùng thuốc trong một số tình huống lâm	6
Bài 3	Xây dựng danh mục tương tác thuốc cần chú ý trong thực hành lâm sàng	8
Bài 4	Xây dựng hướng dẫn sử dụng và bảo quản thuốc tiêm, truyền	8
	Tổng cộng	45

8. Tài liệu học tập

Tài liệu học tập chính: tài liệu do bộ môn biên soạn

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y Tế (2006), *Tương tác thuốc và chú ý khi chỉ định*, Nhà xuất bản Y học.
2. Stockley Editorial Team (2010), *Stockley's Drug Interactions*, Pharmaceutical Press, 9th edition.
3. Stockley Editorial Team (2015), *Stockley's Drug Interactions Pocket Companion*, Pharmaceutical Press.

9. Phương pháp dạy học

9.1. Phương pháp dạy/học: áp dụng phương pháp dạy /học tích cực:

Phương pháp giảng dạy:

Lý thuyết: thuyết trình kết hợp giảng dạy tích cực theo mục tiêu từng nội dung môn học.

Thực hành: thực hành tra cứu thông tin trên các nguồn cơ sở dữ liệu, buổi học phân tích ca lâm sàng cụ thể (case-based discussion). Với một số nội dung (xây dựng danh mục tương tác thuốc, hướng dẫn thời điểm dùng thuốc,

hướng dẫn sử dụng và bảo quản thuốc tiêm truyền), giao cho học viên chuẩn bị bài trước dựa vào các tài liệu đã có, sau đó tổ chức thảo luận trên lớp theo nhóm.

Phương pháp học tập:

Lý thuyết: học viên nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm

Thực hành: thực hành tra cứu tài liệu, tổng hợp, đánh giá thông tin, viết báo cáo và báo cáo kết quả theo nhóm.

9.2. Vật liệu để dạy/học:

Gồm phấn, bảng, micro, loa, máy tính, máy chiếu projector, sách chuyên khảo trong mục tài liệu tham khảo.

10. Phương pháp đánh giá

10.1. Hình thức kiểm tra và thi hết môn:

○Đánh giá ban đầu (pre-test): câu hỏi T/F, MCQ.

○Điểm thực hành: mỗi bài thực hành đều tính điểm theo báo cáo cuối buổi.

Điểm thực hành là điểm trung bình chung của tất cả các bài thực hành.

○Thi kết thúc học phần: thi trắc nghiệm: câu hỏi T/F, MCQ, SAQ.

10.2. Cách tính điểm môn học:

1) Điểm kiểm tra ban đầu (ĐKT)	Trọng số	10 %
2) Điểm thực hành (ĐTH)	Trọng số	50 %
3) Thi kết thúc học phần (ĐT)	Trọng số	40 %
4) Tổng trọng số		100%

Công thức tính điểm môn học:

$$\mathbf{ĐMH = (ĐKT \times 0.1) + (ĐTH \times 0.5) + (ĐT \times 0.4)}$$

7. Nội dung:

Nội dung	Địa điểm	Số tiết
<ul style="list-style-type: none">- Khai thác thông tin của người bệnh (bao gồm cả khai thác thông tin trên bệnh án và tiến hành phỏng vấn trực tiếp người bệnh) về:<ul style="list-style-type: none">+ Tiền sử sử dụng thuốc;+ Tóm tắt các dữ kiện lâm sàng và các kết quả cận lâm sàng đã có.- Xem xét các thuốc được kê đơn cho người bệnh (trong quá trình đi buồng bệnh cùng với bác sĩ và xem xét y lệnh trong hồ sơ bệnh án, đơn thuốc), phát hiện có vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc, dược sĩ lâm sàng trao đổi với bác sĩ điều trị để tối ưu hóa việc dùng thuốc- Hướng dẫn sử dụng thuốc cho điều dưỡng viên.- Phối hợp với bác sĩ điều trị để cung cấp thông tin tư vấn cho người bệnh về những điều cần lưu ý trong quá trình sử dụng thuốc.	Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng: <ul style="list-style-type: none">- Khoa truyền nhiễm- Khoa ngoại tổng hợp	30 30

8. Tài liệu học tập

Tài liệu học tập chính: tài liệu do bộ môn biên soạn

Tài liệu tham khảo

- Thông tư 22/2011/TT-BYT do Bộ Y tế ban hành ngày 22/6/2011 về việc “Quy định tổ chức và hoạt động của khoa Dược bệnh viện”

- Thông tư 31/2012/TT-BYT do Bộ Y tế ban hành ngày 20/12/2012 về việc “Hướng dẫn hoạt động lâm sàng trong bệnh viện”
- Hướng dẫn thực hành dược lâm sàng cho dược sĩ trong một số bệnh không lây nhiễm, quyết định số 3809/QĐ-BYT ngày 27/08/2019.
- Thông tư 19/2018/TT-BYT do Bộ Y tế ban hành ngày 30/8/2018 về việc “Ban hành danh mục thuốc thiết yếu”
- Maloire PM, Kier KL, Stanovich JE (2005), *Drug Information: a guide for pharmacists 3rd edition*, Mc Graw Hill.
- Chiquette E, Posey LM (2007), *Evidence – based pharmacotherapy: optional patient care = best knowledge + competent practioner*, American Pharmacist Association.
- Slaughter RL, Edwards DJ (2001), *Evaluating drug literature: a statistical approach*, Mc Graw Hill.
- Walker R., Whittlesea C (2018), *Clinical Pharmacy and Therapeutics*, Churchill Livingstone, 6th edition.
- DiPiro J., Talbert R., Yee G., and Matzke G. (2016), *Pharmacotherapy: A Pathophysiologic Approach*, McGraw-Hill, 10th edition.
- Schwinghammer T. and Koehler J. (2017), *Pharmacotherapy Casebook: A Patient-Focused Approach*, McGraw-Hill, 10th edition

9. Phương pháp dạy học

9.1. Phương pháp dạy/học:

Phương pháp giảng dạy: giảng dạy tích cực theo mục tiêu từng nội dung thực tập

Phương pháp học tập: quan sát, thực hành thực tế.

9.2. Vật liệu để dạy/học:

Gồm phần, bảng, micro, loa, máy tính, máy chiếu projector, sách chuyên khảo trong mục tài liệu tham khảo.

10. Phương pháp đánh giá

10.1. Hình thức kiểm tra và thi hết môn:

○Điểm kết thúc học phần tính dựa trên điểm trên phiếu đánh giá kết quả thực tế do cơ sở thực tập đánh giá và điểm báo cáo thu hoạch.

10.2. Cách tính điểm môn học:

1) Điểm chuyên cần (ĐCC)	Trọng số	10 %
2) Điểm cơ sở thực tập đánh giá (ĐCS)	Trọng số	40 %
3) Báo cáo thu hoạch (ĐBC)	Trọng số	50 %
4) Tổng trọng số		100%

Công thức tính điểm môn học:

$$\mathbf{ĐMH = (ĐCC \times 0.1) + (ĐCS \times 0.4) + (ĐBC \times 0.5)}$$

<p>+ Tóm tắt các dữ kiện lâm sàng và các kết quả cận lâm sàng đã có.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xem xét các thuốc được kê đơn cho người bệnh (trong quá trình đi buồng bệnh cùng với bác sĩ và xem xét y lệnh trong hồ sơ bệnh án, đơn thuốc), phát hiện có vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc, dược sĩ lâm sàng trao đổi với bác sĩ điều trị để tối ưu hóa việc dùng thuốc - Hướng dẫn sử dụng thuốc cho điều dưỡng viên. - Phối hợp với bác sĩ điều trị để cung cấp thông tin tư vấn cho người bệnh về những điều cần lưu ý trong quá trình sử dụng thuốc. 	<p>em Hải Phòng, BV Kiến An</p>	
---	-------------------------------------	--

8. Tài liệu học tập

Tài liệu học tập chính: tài liệu do bộ môn biên soạn

Tài liệu tham khảo

- Hướng dẫn thực hành dược lâm sàng cho dược sĩ trong một số bệnh không lây nhiễm, quyết định số 3809/QĐ-BYT ngày 27/08/2019.
- Thông tư 31/2012/TT-BYT do Bộ Y tế ban hành ngày 20/12/2012 về việc “Hướng dẫn hoạt động lâm sàng trong bệnh viện”
- Thông tư 19/2018/TT-BYT do Bộ Y tế ban hành ngày 30/8/2018 về việc “Ban hành danh mục thuốc thiết yếu”
- Maloire PM, Kier KL, Stanovich JE (2005), *Drug Information: a guide for pharmacists 3rd edition*, Mc Graw Hill.
- Chiquette E, Posey LM (2007), *Evidence – based pharmacotherapy: optional patient care = best knowledge + competent practioner*, American Pharmacist Association.

- Slaughter RL, Edwards DJ (2001), *Evaluating drug literature: a statistical approach*, Mc Graw Hill.
- Walker R., Whittlesea C (2018), *Clinical Pharmacy and Therapeutics*, Churchill Livingstone, 6th edition.
- DiPiro J., Talbert R., Yee G., and Matzke G. (2016), *Pharmacotherapy: A Pathophysiologic Approach*, McGraw-Hill, 10th edition.
- Schwinghammer T. and Koehler J. (2017), *Pharmacotherapy Casebook: A Patient-Focused Approach*, McGraw-Hill, 10th edition

9. Phương pháp dạy học

9.1. Phương pháp dạy/học:

Phương pháp giảng dạy: giảng dạy tích cực theo mục tiêu từng nội dung thực tập

Phương pháp học tập: quan sát, thực hành thực tế.

9.2. Vật liệu để dạy/học:

Gồm phấn, bảng, micro, loa, máy tính, máy chiếu projector, sách chuyên khảo trong mục tài liệu tham khảo.

10. Phương pháp đánh giá

10.1. Hình thức kiểm tra và thi hết môn:

Điểm kết thúc học phần tính dựa trên điểm trên phiếu đánh giá kết quả thực tế do cơ sở thực tập đánh giá và điểm báo cáo thu hoạch.

10.2. Cách tính điểm môn học:

1) Điểm chuyên cần (ĐCC)	Trọng số	10 %
2) Điểm cơ sở thực tập đánh giá (ĐCS)	Trọng số	40 %
3) Báo cáo thu hoạch (ĐBC)	Trọng số	50 %
4) Tổng trọng số		100%

Công thức tính điểm môn học:

$$\text{ĐMH} = (\text{ĐCC} \times 0.1) + (\text{ĐCS} \times 0.4) + (\text{ĐBC} \times 0.5)$$

HỌC PHẦN: THỰC HÀNH DƯỢC LÂM SÀNG TRONG HỘI SỨC TÍCH CỰC

1. Mã số: TC105

2. Số tín chỉ: 02 LT: 0 TH: 02

3. Số tiết học: 60 LT: 0 TH: 60

4. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy

Bộ môn Dược lâm sàng – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Cán bộ giảng dạy:

- PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng – Trưởng khoa Dược, ĐHYD HP
- TS.BS. Nguyễn Thị Thu Phương, giảng viên khoa Dược, ĐHYD HP
- TS.DS. Trần Thị Ngân, giảng viên khoa Dược, ĐHYD HP
- TS.DS. Phạm Văn Trường, giảng viên khoa Dược, ĐHYD HP
- TS.DS. Phạm Thị Anh, giảng viên khoa Dược, ĐHYD HP
- TS.BS. Vũ Ngọc Tân, Bộ môn Nội, Bệnh viện Việt Tiệp.

5. Mô tả môn học

Trong học phần này, học viên sẽ được thực hành và áp dụng các kiến thức đã học để triển khai các hoạt động dược lâm sàng tại các khoa hội sức tích cực bệnh viện đa khoa.

Môn học tiên quyết: Dược động học lâm sàng, Thông tin thuốc và Cảnh giác dược, Bệnh học nội khoa, Sử dụng thuốc trong điều trị 1, Sử dụng thuốc trong điều trị 2.

6. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, học viên có khả năng:

- Nắm bắt được mô hình hoạt động, cơ cấu bệnh tật, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị hội sức tích cực trong các bệnh viện.
- Tham gia hoạt động dược lâm sàng tại khoa hội sức tích cực.

7. Nội dung:

Nội dung	Địa điểm	Số tiết
<ul style="list-style-type: none">- Khai thác thông tin của người bệnh (bao gồm cả khai thác thông tin trên bệnh án và tiến hành phỏng vấn trực tiếp người nhà bệnh nhân) về:<ul style="list-style-type: none">+ Tiền sử sử dụng thuốc;+ Tóm tắt các dữ kiện lâm sàng và các kết quả cận lâm sàng đã có.- Xem xét các thuốc được kê đơn cho người bệnh (trong quá trình đi buồng bệnh cùng với bác sĩ và xem xét y lệnh trong hồ sơ bệnh án, đơn thuốc), phát hiện có vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc, dược sĩ lâm sàng trao đổi với bác sĩ điều trị để tối ưu hóa việc dùng thuốc- Hướng dẫn sử dụng thuốc cho điều dưỡng viên.- Phối hợp với bác sĩ điều trị để cung cấp thông tin tư vấn cho người bệnh về những điều cần lưu ý trong quá trình sử dụng thuốc.	Khoa hồi sức tích cực nội của một trong các bệnh viện: BV Hữu nghị Việt Tiệp, BV Đại học Y Hải Phòng, BV Đa khoa Quốc tế Hải Phòng, BV Trẻ em Hải Phòng, BV Kiên An)	60

8. Tài liệu học tập

Tài liệu học tập chính: tài liệu do bộ môn biên soạn

Tài liệu tham khảo

- Hướng dẫn hoạt động lâm sàng trong bệnh viện, thông tư 31/2012/TT-BYT do Bộ Y tế ban hành ngày 20/12/2012.
- Hướng dẫn chẩn đoán và xử trí hồi sức tích cực, quyết định số 1493/QĐ-BYT do Bộ Y tế ban hành ngày 22/04/2015.

- Maloire PM, Kier KL, Stanovich JE (2005), *Drug Information: a guide for pharmacists 3rd edition*, Mc Graw Hill.
- Chiquette E, Posey LM (2007), *Evidence – based pharmacotherapy: optional patient care = best knowledge + competent practioner*, American Pharmacist Association.
- Slaughter RL, Edwards DJ (2001), *Evaluating drug literature: a statistical approach*, Mc Graw Hill.
- Walker R., Whittlesea C (2018), *Clinical Pharmacy and Therapeutics*, Churchill Livingstone, 6th edition.
- DiPiro J., Talbert R., Yee G., and Matzke G. (2016), *Pharmacotherapy: A Pathophysiologic Approach*, McGraw-Hill, 10th edition.
- Schwinghammer T. and Koehler J. (2017), *Pharmacotherapy Casebook: A Patient-Focused Approach*, McGraw-Hill, 10th edition.

9. Phương pháp dạy học

9.1. Phương pháp dạy/học: Giảng dạy tích cực theo mục tiêu từng nội dung thực tập

Phương pháp học tập: quan sát, thực hành thực tế.

9.2. Vật liệu để dạy/học:

Gồm phấn, bảng, micro, loa, máy tính, máy chiếu projector, sách chuyên khảo trong mục tài liệu tham khảo.

10. Phương pháp đánh giá

10.1. Hình thức kiểm tra và thi hết môn:

- o Điểm kết thúc học phần tính dựa trên điểm trên phiếu đánh giá kết quả thực tế do cơ sở thực tập đánh giá và điểm báo cáo thu hoạch.

10.2. Cách tính điểm môn học:

1) 1) Điểm chuyên cần (ĐCC)	Trọng số	10 %
2) 2) Điểm cơ sở thực tập đánh giá (ĐCS)	Trọng số	40 %
3) Báo cáo thu hoạch (ĐBC)	Trọng số	50 %
4) Tổng trọng số	Trọng số	100%

Công thức tính điểm môn học:

$$\text{ĐMH} = (\text{ĐCC} \times 0.1) + (\text{ĐCS} \times 0.4) + (\text{ĐBC}) \times 0.5$$

THỰC HÀNH DƯỢC LÂM SÀNG TRONG ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ

1. Mã số: TC106

2. Số tín chỉ: 02 LT: 0 TH: 02

3. Số tiết học: 60 LT: 0 TH: 60

4. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy

Bộ môn Dược lâm sàng – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Cán bộ giảng dạy:

- PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng – Trưởng khoa Dược, ĐHYD HP
- TS.BS. Nguyễn Thị Thu Phương, giảng viên khoa Dược, ĐHYD HP
- TS.DS. Trần Thị Ngân, giảng viên khoa Dược, ĐHYD HP
- TS.DS. Phạm Văn Trường, giảng viên khoa Dược, ĐHYD HP
- TS.DS. Phạm Thị Anh, giảng viên khoa Dược, ĐHYD HP

5. Mô tả môn học

Trong học phần này, học viên sẽ được thực hành và áp dụng các kiến thức đã học để triển khai các hoạt động dược lâm sàng tại các khoa khám bệnh bệnh viện đa khoa.

Môn học tiên quyết: Dược động học lâm sàng, Thông tin thuốc và Cảnh giác dược, Bệnh học nội khoa, Sử dụng thuốc trong điều trị 1, Sử dụng thuốc trong điều trị 2.

6. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, học viên có khả năng:

- Nắm bắt được mô hình hoạt động, cơ cấu bệnh tật, chức năng, nhiệm vụ của khoa khám bệnh ngoại trú trong các bệnh viện.
- Tham gia hoạt động dược lâm sàng tại khoa khám bệnh ngoại trú.

7. Nội dung:

Nội dung	Địa điểm	Số tiết
- Khai thác thông tin của người bệnh (bao gồm cả khai thác thông tin trên bệnh án và tiến hành phỏng vấn trực	Khoa khám bệnh ngoại trú của một trong các bệnh	60

<p>tiếp bệnh nhân) về:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tiền sử sử dụng thuốc; + Tóm tắt các dữ kiện lâm sàng và các kết quả cận lâm sàng đã có. - Xem xét các thuốc được kê đơn cho người bệnh, phát hiện có vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc, dược sĩ lâm sàng trao đổi với bác sĩ điều trị để tối ưu hóa việc dùng thuốc - Giáo dục, hướng dẫn sử dụng các dạng thuốc đặc biệt cho bệnh nhân. - Giám sát tuân thủ điều trị của bệnh nhân - Phối hợp với bác sĩ điều trị để cung cấp thông tin tư vấn cho người bệnh về những điều cần lưu ý trong quá trình sử dụng thuốc. 	<p>viện: BV Hữu nghị Việt Tiệp, BV Đại học Y Hải Phòng, BV Đa khoa Quốc tế Hải Phòng, BV Trẻ em Hải Phòng, BV Kiến An)</p>	
---	--	--

8. Tài liệu học tập

Tài liệu học tập chính: tài liệu do bộ môn biên soạn

Tài liệu tham khảo

- Hướng dẫn hoạt động lâm sàng trong bệnh viện, thông tư 31/2012/TT-BYT do Bộ Y tế ban hành ngày 20/12/2012.
- Maloire PM, Kier KL, Stanovich JE (2005), *Drug Information: a guide for pharmacists 3rd edition*, Mc Graw Hill.
- Chiquette E, Posey LM (2007), *Evidence – based pharmacotherapy: optional patient care = best knowledge + competent practioner*, American Pharmacist Association.
- Slaughter RL, Edwards DJ (2001), *Evaluating drug literature: a statistical approach*, Mc Graw Hill.

- Walker R., Whittlesea C (2018), *Clinical Pharmacy and Therapeutics*, Churchill Livingstone, 6th edition.
- DiPiro J., Talbert R., Yee G., and Matzke G. (2016), *Pharmacotherapy: A Pathophysiologic Approach*, McGraw-Hill, 10th edition.
- Schwinghammer T. and Koehler J. (2017), *Pharmacotherapy Casebook: A Patient-Focused Approach*, McGraw-Hill, 10th edition.

9. Phương pháp dạy học

9.1. Phương pháp dạy/học:

Phương pháp giảng dạy: giảng dạy tích cực theo mục tiêu từng nội dung thực tập

Phương pháp học tập: quan sát, thực hành thực tế.

9.2. Vật liệu để dạy/học:

Gồm phần, bảng, micro, loa, máy tính, máy chiếu projector, sách chuyên khảo trong mục tài liệu tham khảo.

10. Phương pháp đánh giá

10.1. Hình thức kiểm tra và thi hết môn:

- o Điểm kết thúc học phần tính dựa trên điểm trên phiếu đánh giá kết quả thực tế do cơ sở thực tập đánh giá và điểm báo cáo thu hoạch.

10.2. Cách tính điểm môn học:

1) Điểm chuyên cần (ĐCC)	Trọng số	10 %
2) Điểm cơ sở thực tập đánh giá (ĐCS)	Trọng số	40 %
3) Báo cáo thu hoạch (ĐBC)	Trọng số	50 %
4) Tổng trọng số		100%

Công thức tính điểm môn học:

$$\text{ĐMH} = (\text{ĐCC} \times 0.1) + (\text{ĐCS} \times 0.4) + (\text{ĐBC} \times 0.5)$$

<p>về:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tiền sử sử dụng thuốc; + Tóm tắt các dữ kiện lâm sàng và các kết quả cận lâm sàng đã có. - Xem xét các thuốc được kê đơn cho người bệnh (trong quá trình đi buồng bệnh cùng với bác sĩ và xem xét y lệnh trong hồ sơ bệnh án, đơn thuốc), phát hiện có vấn đề liên quan đến sử dụng thuốc, dược sĩ lâm sàng trao đổi với bác sĩ điều trị để tối ưu hóa việc dùng thuốc - Hướng dẫn sử dụng thuốc cho điều dưỡng viên. - Phối hợp với bác sĩ điều trị để cung cấp thông tin tư vấn cho người bệnh về những điều cần lưu ý trong quá trình sử dụng thuốc. 	<p>Phòng, BV Đa khoa Quốc tế Hải Phòng.</p>	
--	---	--

8. Tài liệu học tập

Tài liệu học tập chính: tài liệu do bộ môn biên soạn

Tài liệu tham khảo

- Hướng dẫn hoạt động lâm sàng trong bệnh viện, thông tư 31/2012/TT-BYT do Bộ Y tế ban hành ngày 20/12/2012.
- Hướng dẫn thực hành dược lâm sàng cho dược sĩ trong một số bệnh không lây nhiễm, quyết định số 3809/QĐ-BYT ngày 27/08/2019.
- Maloire PM, Kier KL, Stanovich JE (2005), *Drug Information: a guide for pharmacists 3rd edition*, Mc Graw Hill.

- Chiquette E, Posey LM (2007), *Evidence – based pharmacotherapy: optional patient care = best knowledge + competent practioner*, American Pharmacist Association.
- Slaughter RL, Edwards DJ (2001), *Evaluating drug literature: a statistical approach*, Mc Graw Hill.
- Walker R., Whittlesea C (2018), *Clinical Pharmacy and Therapeutics*, Churchill Livingstone, 6th edition.
- DiPiro J., Talbert R., Yee G., and Matzke G. (2016), *Pharmacotherapy: A Pathophysiologic Approach*, McGraw-Hill, 10th edition.
- Schwinghammer T. and Koehler J. (2017), *Pharmacotherapy Casebook: A Patient-Focused Approach*, McGraw-Hill, 10th edition.

9. Phương pháp dạy học

9.1. Phương pháp dạy/học:

Phương pháp giảng dạy: giảng dạy tích cực theo mục tiêu từng nội dung thực tập

Phương pháp học tập: quan sát, thực hành thực tế.

9.2. Vật liệu để dạy/học:

Gồm phần, bảng, micro, loa, máy tính, máy chiếu projector, sách chuyên khảo trong mục tài liệu tham khảo.

10. Phương pháp đánh giá

10.1. Hình thức kiểm tra và thi hết môn:

- o Điểm kết thúc học phần tính dựa trên điểm trên phiếu đánh giá kết quả thực tế do cơ sở thực tập đánh giá và điểm báo cáo thu hoạch.

10.2. Cách tính điểm môn học:

1) Điểm chuyên cần (ĐCC)	Trọng số	10 %
2) Điểm cơ sở thực tập đánh giá (ĐCS)	Trọng số	40 %
3) Báo cáo thu hoạch (ĐBC)	Trọng số	50 %
4) Tổng trọng số		100%

Công thức tính điểm môn học:

$$\text{ĐMH} = (\text{ĐCC} \times 0.1) + (\text{ĐCS} \times 0.4) + (\text{ĐBC} \times 0.5)$$

HỌC PHẦN: NGUYÊN TẮC DƯỢC ĐỘNG HỌC VÀ DƯỢC LỰC HỌC TRONG SỬ DỤNG KHÁNG SINH

1. Mã số: TC108

2. Số tín chỉ: 02 LT: 02 TH: 0

3. Số tiết học: 30 LT: 30 TH: 0

4. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy

Bộ môn Dược lý – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Cán bộ giảng dạy:

- TS. BS. Nguyễn Thị Thu Phương, trưởng bộ môn Dược lý, ĐHYD HP.
- PGS.DS Joseph Bertino, Hoa Kỳ, giảng viên thỉnh giảng ĐHYD HP.
- TS. DS. Trần Thị Ngân, phụ trách bộ môn Dược lâm sàng, ĐHYD HP.

5. Mô tả môn học :

Đề kháng kháng sinh đang là một vấn đề ngày càng trở nên nghiêm trọng đối với sức khỏe cộng đồng. Tuy nhiên, việc dùng không hợp lý hoặc lạm dụng kháng sinh (như chỉ định kháng sinh không hợp lý trong nhiễm virus, dùng không đủ liều hoặc đủ thời gian...) là nguyên nhân phổ biến nhất nhưng hoàn toàn có thể điều chỉnh được. Môn học sẽ cung cấp cho học viên các kiến thức, kỹ năng hiệu chỉnh liều dùng dựa vào PK/PD nhằm cá thể hóa với từng người bệnh và trên từng loại vi khuẩn gây bệnh, căn cứ vào chức năng thận, tác nhân gây nhiễm khuẩn và tình hình đề kháng tại cơ sở điều trị sẽ giúp cho việc sử dụng kháng sinh an toàn hơn và đạt hiệu quả cao hơn.

Môn học tiên quyết: dược động học lâm sàng, sử dụng thuốc trong điều trị II.

6. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, học viên có khả năng:

- Trình bày được khái niệm, công thức tính chỉ số PK/PD cơ bản.
- Trình bày được các chỉ số PK/PD của một số nhóm kháng sinh chính.
- Phân tích được vai trò của PK/PD trong việc lựa chọn kháng sinh và thiết kế phác đồ điều trị hợp lý, an toàn và hiệu quả.

7. Nội dung:

STT	Nội dung	Số tiết
1	Đại cương: Sử dụng kháng sinh hợp lý và hiệu quả dựa trên nguyên tắc của PK/PD	2
2	Các khái niệm cơ bản của PK/PD áp dụng cho kháng sinh. Các chỉ số PK/PD	2
3	Nồng độ thuốc tại tổ chức đích và liên kết thuốc với protein huyết tương	2
4	PK/PD của một số nhóm kháng sinh chính và áp dụng trong điều trị: β -lactam, aminoglycosid, fluoroquinolone, glycopeptid, macrolid	8
5	PK/PD trong ngăn ngừa kháng thuốc	4
6	Lựa chọn kháng sinh và tối ưu hóa liều trên cơ sở của PK/PD	4
7	Áp dụng PK/PD trong phát triển các kháng sinh mới, các dạng bào chế mới của kháng sinh	2
8	Sử dụng mô hình động học in vitro, mô hình nhiễm khuẩn thực nghiệm trên động vật để xác định các chỉ số PK/PD	2
9	Mô hình hóa PK/PD của kháng sinh	4
	Tổng	30

8. Tài liệu học tập

Tài liệu học tập chính: tài liệu do bộ môn biên soạn

Tài liệu tham khảo

1. Nightingale CH, Ambrose PG, Drusano GL, Murakawa T (2007), *Antimicrobial Pharmacodynamics in theory and clinical practice*, Informa Health Care, Inc, 2nd edition.
2. Owen RCJr, Ambrose PG, Nightingale CH (2005), *Antibiotic*

optimization: concepts and strategies in clinical practice,
Marcel Dekker.

3. Owen RCJr, Lautenbach E (2007), *Antimicrobial resistance: Problem pathogens and clinical countermeasures*, Informa Health Care, Inc.

9. Phương pháp dạy học

9.1. Phương pháp dạy/học: áp dụng phương pháp dạy /học tích cực:

Phương pháp giảng dạy:

Lý thuyết: thuyết trình kết hợp giảng dạy tích cực theo mục tiêu từng nội dung môn học.

Phương pháp học tập:

Lý thuyết: học viên nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm

9.2. Vật liệu để dạy/học:

Gồm phấn, bảng, micro, loa, máy tính, máy chiếu projector, sách chuyên khảo trong mục tài liệu tham khảo.

10. Phương pháp đánh giá

10.1. Hình thức kiểm tra và thi hết môn:

- Kiểm tra giữa kì:
- Thi kết thúc học phần: tự luận hoặc tiểu luận

10.2. Cách tính điểm môn học:

1) Điểm kiểm tra giữa kì (ĐKT1)	Trọng số	10 %
2) Điểm kiểm tra giữa kì (ĐKT2)	Trọng số	10 %
3) Thi kết thúc học phần (ĐT)	Trọng số	80 %
4) Tổng trọng số		100%

Công thức tính điểm môn học:

$$\text{ĐMH} = (\text{ĐKT 1} \times 0.1) + (\text{ĐKT2} \times 0.1) + (\text{ĐT} \times 0.8)$$

HỌC PHẦN: DƯỢC LÝ DI TRUYỀN

1. Mã số: TC109

2. Số tín chỉ: 02 LT : 02 TH: 0

3. Số tiết học: 30 LT : 30 TH: 0

4. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy

Bộ môn Dược lý – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Cán bộ giảng dạy:

- PGS .TS Nguyễn Văn Hùng, khoa Dược, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
- TS. BS. Nguyễn Thị Thu Phương, Trưởng bộ môn Dược lý, ĐHYD HP.
- TS.BS Nguyễn Thị Quỳnh Thơ, Bộ môn Sinh học Di truyền, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
- TS. Bạch Thị Như Quỳnh, Bộ môn Sinh học phân tử. Đại học Y Dược HP

5. Mô tả môn học

Học phần này sẽ cung cấp kiến thức về mối tương tác giữa thuốc và đặc điểm di truyền, đột biến gen ở người. Hiểu được ảnh hưởng qua lại giữa gen và thuốc giúp học viên có thể giải thích được các phương pháp cá thể hóa điều trị dựa trên đặc điểm di truyền của người bệnh.

6. Mục tiêu học tập:

Sau khi học xong môn học này, học viên có khả năng:

- Trình bày được ảnh hưởng của các kiểu đột biến và đa hình kiểu gen phổ biến liên quan đến dược động học và đáp ứng thuốc
- Trình bày được ứng dụng của dược lý di truyền trong điều trị

7. Nội dung:

STT	Nội dung	Số tiết
1	Mối liên quan giữa Pharmacogenetics và Pharmacogenomics	4
2	Các gen liên quan đến tác dụng của thuốc	4
3	Các kiểu đa hình và đột biến gen	4
4	Ảnh hưởng của kiểu gen lên sự đáp ứng thuốc	4
5	Ảnh hưởng của kiểu gen lên chuyển hóa thuốc	4
6	Tương tác thuốc và cá thể	4

7	Mối liên quan giữa gen dược và điều trị	6
	Tổng	30

8. Tài liệu học tập

Tài liệu học tập chính: do Khoa Dược, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng biên soạn

Tài liệu tham khảo:

1. Đái Duy Ban (2006), *Công nghệ gen*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.
2. Võ Thị Phương Lan (2002), *Sinh học phân tử*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Ian P.Hall, Munir Pirmohamed (2006), *Pharmacogenetics*, Taylor and Francis.
4. Gavin Brooks (2002), *Gene therapy: The use of DNA as a drug*, London; Pharmaceutical Press.
5. Ernst Peter Fischer, Sigman Klose (1995), *The diagnostic challenge – The human genome*, Boehringer Mannheim GmbH.
6. Đái Duy Ban, Lữ Thị Cẩm Vân (1994), *Công nghệ gen và công nghệ sinh học ứng dụng trong Y-Dược*, Nhà xuất bản Y học.

9. Phương pháp dạy/học

9.1. Phương pháp dạy/học

- Thuyết trình, Powerpoint.
- Thảo luận nhóm.

9.2. Vật liệu giảng dạy

10. Phương pháp đánh giá

10.1. Hình thức kiểm tra và thi hết môn:

10.2. Cách tính điểm môn học:

1) Điểm kiểm tra ban đầu (ĐKT)	Trọng số	10 %
2) Điểm giữa học phần (ĐGHP)	Trọng số	20 %
3) Thi kết thúc học phần (ĐT)	Trọng số	70 %
4) Tổng trọng số		100%

Công thức tính điểm môn học:

$$\text{ĐMH} = (\text{ĐCC} \times 0.1) + (\text{ĐDGHP} \times 0.2) + (\text{ĐT} \times 0.7)$$

HỌC PHẦN: QUẢN LÝ THỬ NGHIỆM LÂM SÀNG

1. Mã số môn học: TC110

2. Tên học phần: Quản lý thử nghiệm lâm sàng

3. Tổng tín chỉ: 2 tín chỉ (30 tiết)

Số tiết: Lý thuyết : 30 tiết

Thực hành: 0 tiết

4. Mục tiêu của học phần

Sau khi học xong tín chỉ này, học viên có thể trình bày được:

- ✓ Nguyên tắc trong thực hành tốt thử nghiệm lâm sàng
- ✓ Thiết kế thử nghiệm lâm sàng
- ✓ Triển khai nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng

5. Mô tả môn học

Quản lý các thử nghiệm lâm sàng, ở bất kỳ quy mô và mức độ phức tạp nào cũng đòi hỏi phải có hệ thống quản lý thử nghiệm hiệu quả nhằm cung cấp kịp thời các thử nghiệm quan trọng đáp ứng nhu cầu trong điều trị. Do vậy, môn học sẽ cung cấp các kiến thức về quản lý nói chung bao gồm các nguyên tắc, thiết kế và triển khai thử nghiệm lâm sàng dựa trên các hướng dẫn hiện hành trên thế giới và Việt Nam.

6. Nội dung học phần

STT	Tên bài học	Số tiết
	<i>Đại cương</i>	6
1	Nguyên tắc trong thực hành tốt thử nghiệm lâm sàng	3
2	Quyền, trách nhiệm của tổ chức cá nhân trong nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng	3
	<i>Thiết kế nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng</i>	24
3	Đề cương nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng	4
4	Các phương pháp thiết kế thử nghiệm lâm sàng	4
5	Triển khai nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng	4
6	Giám sát, kiểm tra nghiên cứu thử thuốc trên lâm sàng	4
7	Báo cáo và xử trí các biến cố bất lợi (AE) trong nghiên cứu	4

	thử thuốc trên lâm sàng	
8	Tài liệu thiết yếu trước khi tiến hành nghiên cứu thử thuốc trên lâm sàng	4
Tổng		30

7. Phương pháp giảng dạy

- Thuyết trình, Powerpoint.
- Thảo luận nhóm.

8. Bộ môn phụ trách: Dược lý – Dược lâm sàng

Cán bộ giảng dạy

- PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng (phụ trách)
- TS. BS. Nguyễn Thị Thu Phương
- TS. Ngô Thị Quỳnh Mai
- TS. Phạm Thị Anh

9. Tài liệu tham khảo

- Clinical Trials, Second Edition: Study Design, Endpoints and Biomarkers, Drug Safety, and FDA and ICH Guidelines - Academic Press – 2016
- Fundamentals of Clinical Trials – Springer – 2015
- Thông tư 29/2018-TTBYT quy định về việc ban hành, áp dụng Thực hành tốt thử thuốc trên lâm sàng

10. Phương pháp đánh giá: thi trắc nghiệm

Công thức tính điểm môn học:

$$\text{ĐMH} = (\text{ĐTK1} \times 0.1) + (\text{ĐTK2} \times 0.1) + (\text{ĐT} \times 0.8)$$

HỌC PHẦN: QUẢN LÝ DƯỢC BỆNH VIỆN

1. Mã số: TC111

2. Số tín chỉ: 02 LT : 0 TH: 0

3. Số tiết học: LT: 2 TH: 0

4. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy

Bộ môn Quản lý và Kinh tế Dược – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Cán bộ giảng dạy:

- PGS.TS Phạm Văn Hán, Khoa Y tế công cộng Đại học Y Dược Hải Phòng.

- PGS.TS. Trần Nhân Thắng, Khoa Dược, Bệnh viện Bạch Mai.

- TS. DS. Phạm Văn Trường, Trưởng bộ môn Quản lý và Kinh tế dược, Đại học Y Dược Hải Phòng.

5. Mô học tiên quyết : Không

6. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, học viên có khả năng:

- Trình bày được chức năng, nhiệm vụ của bệnh viện và khoa dược bệnh viện. Hoạt động của Hội đồng thuốc và điều trị bệnh viện.
- Vận dụng phân tích thực trạng quản lý dược tại bệnh viện hiện nay trong việc thực hiện các chức năng nhiệm vụ kể trên.

7. Nội dung:

STT	Nội dung	Số
1	Lý thuyết	
1.1	Chức năng, nhiệm vụ của bệnh viện và khoa dược bệnh viện	4
1.2	Hội đồng thuốc và điều trị bệnh viện-Đơn vị thông tin thuốc	4
1.3	Quản lý việc lựa chọn và mua sắm thuốc	4
1.4	Quản lý cấp phát thuốc trong bệnh viện	4
1.5	Quản lý hàng dự trữ tại khoa dược bệnh viện	4
1.6	Một số phương pháp phân tích sử dụng thuốc bệnh viện	4
2	Thực hành	
	Vận dụng phương pháp phân tích thuốc sử dụng thuốc bệnh viện (Phân tích ATC/DDD, ABC/VEN,...)	4
	Tổng cộng	

8. Tài liệu học tập

Tài liệu học tập chính: Bộ môn Quản lý và kinh tế dược, Đại học Dược Hà Nội,
Quản lý dược bệnh viện

Tài liệu tham khảo:

1. Thông tư 22/2011/TT-BYT Quy định tổ chức và hoạt động của khoa Dược bệnh viện
2. Thông tư 23/2013/TT-BYT Quy định về tổ chức và hoạt động của hội đồng thuốc và điều trị trong bệnh viện

9. Phương pháp dạy học

9.1. Phương pháp dạy/học: :

Phương pháp giảng dạy:

- Thuyết trình, Powerpoint.
- Thảo luận nhóm.

Phương pháp học tập:

9.2. Vật liệu để dạy/học:

10. Phương pháp đánh giá

10.1. Hình thức kiểm tra và thi hết môn:

10.2. Cách tính điểm môn học:

1) Điểm kiểm tra ban đầu (ĐKT)	Trọng số	10 %
2) Điểm giữa học phần (ĐGHP)	Trọng số	20 %
3) Thi kết thúc học phần (ĐT)	Trọng số	70 %
4) Tổng trọng số		100%

Công thức tính điểm môn học:

$$\text{ĐMH} = (\text{ĐCC} \times 0.1) + (\text{ĐDGHP} \times 0.2) + (\text{ĐT} \times 0.7)$$

HỌC PHẦN: PHÂN TÍCH DỮ LIỆU NGHIÊN CỨU DƯỢC LÝ LÂM SÀNG

1. Mã số: TC112

2. Số tín chỉ: 02 LT : 01 TH: 01

3. Số tiết học: 45 LT : 15 TH: 30

4. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy

Bộ môn Dược lý – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Cán bộ giảng dạy:

- PGS. TS Nguyễn Văn Hùng, khoa Dược, ĐHYD HP.
- TS. BS Nguyễn Thị Thu Phương, trưởng bộ môn Dược lý, ĐHYD HP.
- TS. Ngô Thị Quỳnh Mai, Phụ trách Bộ môn Dược liệu, ĐHYD HP.
- TS. DS. Phạm Thị Anh, giảng viên Bộ môn Dược liệu, ĐHYD HP

5. Mô tả môn học

Môn học này cung cấp một số kỹ năng cơ bản trong việc phân tích và xử lý số liệu của các nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực dược lý – dược lâm sàng. Các kỹ năng này được học tập trên các số liệu thu thập được từ đề tài nghiên cứu khoa học của học viên.

6. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, học viên có khả năng:

1. Phân tích thống kê của các kết quả trong thử nghiệm dược lý lâm sàng
2. Chọn được các phương pháp thống kê thích hợp cho nghiên cứu dược lý lâm sàng
3. Phân tích được các phương pháp thống kê sử dụng trong một nghiên cứu dược lý lâm sàng
4. Sử dụng được phần mềm để giải quyết, thống kê được dữ liệu một đề tài nghiên cứu
5. Hướng dẫn thực tập được cho sinh viên đại học phân tích, thống kê dữ liệu

7. Nội dung:

STT	Nội dung	Số tiết
1	Lý thuyết	15
1	Các khái niệm quan trọng trong thống kê dược lý lâm sàng	2
2	Yếu tố gây nhiễu, sai lệch và hiệu lực trong nghiên cứu	1
3	Kết quả đo lường của các phân tích biến số đơn và phân tích	2
4	Các mô hình biến số đa thường sử dụng	2
5	Các biến số độc lập trong phân tích biến số đa	2
6	Thiết lập, thực hiện và giải thích một phân tích biến số đa	2
7	Kiểm tra các giả thiết phân tích và hiệu lực của các mô hình	2
8	Giới thiệu phương pháp Bayesian trong thử nghiệm lâm sàng	2
2	Thực hành	30
1	Thiết kế các nghiên cứu trong thử nghiệm dược lý lâm sàng	8
2	Giới thiệu phần mềm Minitab và/hoặc SPSS	4
3	Phân tích dữ liệu ban đầu bằng phần mềm thống kê	4
4	Phân tích dữ liệu nghiên cứu biến số đa	8
5	Sử dụng phần mềm để phân tích tồn sinh	8
6	Phân tích các bài tập của lý thuyết	8
	Tổng cộng	45

8. Tài liệu học tập

Tài liệu học tập chính: tài liệu do bộ môn biên soạn

Tài liệu tham khảo

6. Gerald Van Belle, Lloyd d. Fisher, Patrick j. Heagerty, Thomas Lumley. Biostatistics - A Methodology for the Health Sciences. Second Edition. Wiley Interscience 2004 John Wiley & Sons
7. Nancy L. Geller. Advances in clinical trial biostatistics. Marcel Dekkers 2004
8. Mitchell H. Katz. Multivariable Analysis. A Practical Guide for Clinicians. Cambridge University Press. 1999
9. Robert H Carver. Doing Data Analysis with Minitab 14. 2006

10.Barbara Ryan, Brian Joiner and Jonathon Cryer. Minitab Handbook:
Updated for Release 14

9. Phương pháp dạy học

9.1. Phương pháp dạy/học: áp dụng phương pháp dạy /học tích cực:

Phương pháp giảng dạy: thuyết trình kết hợp giảng dạy tích cực theo mục tiêu từng nội dung môn học.

Phương pháp học tập:

9.2. Vật liệu để dạy/học:

Gồm phần, bảng, micro, loa, máy tính, máy chiếu projector, sách chuyên khảo trong mục tài liệu tham khảo.

10. Phương pháp đánh giá

10.1. Hình thức kiểm tra và thi hết môn:

○Điểm thực hành:

○Thi kết thúc học phần: báo cáo phân tích nghiên cứu và giải quyết thống kê dữ liệu của một đề tài nghiên cứu được giao

10.2. Cách tính điểm môn học:

1) Điểm kiểm tra ban đầu (ĐKT)	Trọng số	10 %
2) Điểm thực hành (ĐTH)	Trọng số	40 %
3) Thi kết thúc học phần (ĐT)	Trọng số	50 %
4) Tổng trọng số		100%

Công thức tính điểm môn học:

$$\mathbf{ĐMH = (ĐCC \times 0.1) + (ĐTH \times 0.4) + (ĐT \times 0.5)}$$

HỌC PHẦN: DINH DƯỠNG LÂM SÀNG

5. Mã số môn học: TC113

6. Tên học phần: Dinh dưỡng lâm sàng

7. Tổng tín chỉ: 2 tín chỉ (30 tiết)

Số tiết: Lý thuyết : 30 tiết

Thực hành: 0 tiết

8. Mục tiêu của học phần

- i. Trình bày được nguyên tắc can thiệp và chăm sóc dinh dưỡng cho bệnh nhân
- ii. Phối hợp được với các khoa phòng trong triển khai công tác dinh dưỡng lâm sàng
- iii. Xây dựng được chế độ ăn bệnh lý cho một số bệnh

9. Môn học tiên quyết: không

10. Nội dung học phần

STT	Tên bài học	Số tiết
1.	Tầm quan trọng của dinh dưỡng điều trị cho người nằm viện	2
2.	Vai trò và nhu cầu các chất dinh dưỡng	4
3.	Quy trình can thiệp và chăm sóc dinh dưỡng	4
4.	Đánh giá tình trạng dinh dưỡng cho người bệnh	4
5.	Tính nhu cầu dinh dưỡng cho người bệnh	4
6.	Sử dụng đơn vị chuyển đổi trong xây dựng khẩu phần	4
7.	Dinh dưỡng cho bệnh nhân Đái tháo đường, tăng huyết áp, suy thận	2
8.	Dinh dưỡng cho bệnh nhân Tăng huyết áp, rối loạn mỡ máu	2
9.	Dinh dưỡng cho bệnh nhân suy thận	2
Tổng		30

11.Phương pháp đánh giá: thi viết

12.Phương pháp giảng dạy

- Thuyết trình, Powerpoint.
- Thảo luận nhóm.
- Bài tập

13.Bộ môn phụ trách: Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm – khoa Y tế Công Cộng

Cán bộ giảng dạy

- PGS. TS. Trương Thị Tuyết Mai, ĐHYD HP
- TS.DS. Trần Thị Ngân, Phụ trách bộ môn Dược lâm sàng, ĐHYD HP

14.Tài liệu tham khảo

- Trường đại học Y Dược Hải Phòng (2012), Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, Nhà xuất bản Y học
- Bệnh viện Bạch Mai (2012), Tư vấn dinh dưỡng cho người trưởng thành, Nhà xuất bản Y học
- Bộ Y tế (2015), Hướng dẫn điều trị Dinh dưỡng lâm sàng, Nhà xuất bản y học
- Trường đại học Y Thái Bình (2016), Dinh dưỡng Lâm sàng, Nhà xuất bản Y học
- Thông tư số 08/2011/TT-BYT ngày 26 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y về Hướng dẫn công tác Dinh dưỡng, tiết chế trong bệnh viện

HỌC PHẦN: Y DƯỢC – XÃ HỘI HỌC VÀ PHÁP CHẾ DƯỢC

1. Mã số: TC114

2. Số tín chỉ: 02 LT: 02 TH: 0

3. Số tiết học: 30 LT: 30 TH: 0

4. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy

Bộ môn Quản lý và kinh tế Dược – Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Cán bộ giảng dạy:

- TS. DS. Phạm Văn Trường, Phó trưởng phụ trách bộ môn Quản lý và kinh tế dược, ĐHYDHP
- PGS.TS. Trần Nhân Thắng, Giảng viên kiêm chức (Bệnh viện Bạch Mai, Hà Nội)
- PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng – Trưởng khoa Dược, ĐHYD HP

5. Mô tả môn học

Học phần này cung cấp kiến thức cần thiết về tác động của các yếu tố xã hội liên quan và các quy định, văn bản pháp qui trong hoạt động dược. Đây là cơ sở cho việc thực hành nghề dược chuyên nghiệp và đúng pháp luật.

Môn học tiên quyết: không

6. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, học viên có khả năng:

- Trình bày được những khái niệm cơ bản về xã hội học và xã hội học y tế, có kiến thức để khảo sát, phân tích, dự đoán thực tiễn xã hội, hiện tượng xã hội liên quan đến các lĩnh vực hành nghề Y Dược.
- Phân tích nội dung cơ bản của một số chương trình y tế có tính xã hội cao.
- Trình bày được nội dung chủ yếu của các văn bản qui phạm pháp luật liên quan đến các lĩnh vực hành nghề dược.
- Vận dụng đúng các qui định của pháp luật đối với công tác quản lý dược trong mọi lĩnh vực trong hành nghề dược.
- Hiểu, giải thích và thực hiện đúng các qui chế dược.

7. Nội dung

TT	Nội dung	Số tiết
Phần 1: Y Dược – Xã hội học		
1	Lịch sử ngành dược Việt Nam	2
2	Tổ chức ngành dược Việt Nam	2
3	Quan điểm nhiệm vụ ngành	2
4	Các chương trình y tế quốc gia	2
5	Chương trình thuốc thiết yếu của WHO và Việt Nam	2
6	Bảo hiểm y tế	2
7	Công tác dược bệnh viện	2
Phần 2: Pháp chế dược		
1	Luật dược và các văn bản quản lý có liên quan đến lĩnh vực hành nghề Dược tại Việt Nam	2
2	Quy định về thuốc và nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt	2
3		2
4	Quy định kê đơn trong điều trị ngoại trú	2
5	Quy định quản lý mỹ phẩm	2
6	Quy định về nhãn thuốc- mỹ phẩm	2
7	Quy định hành nghề dược tư nhân	2
8	Thông tin thuốc- quy chế thông tin quảng cáo thuốc	2
	Quy định thanh tra dược	
Tổng cộng		30

8. Tài liệu học tập

Tài liệu học tập chính: tài liệu do bộ môn biên soạn

Tài liệu tham khảo

1. Quốc Hội, *Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân – Luật dược 2016 – Luật Thanh tra* .
2. PGS Vũ Minh Tâm – *Xã hội học* – NXB Giáo Dục 2001

3. PGS TS Lê Văn Truyền – *Đề cương bài giảng dược xã hội học* – 2002
4. Nguyễn Thế Phán, *Kỹ Thuật Soạn Thảo Văn Bản Quản Lý Kinh Tế Và Quản Trị Kinh Doanh*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân..
5. Nghị định số 54/2017/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật dược
6. Nghị định số 155/2018.NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ y tế
7. Thông tư 22/2011/TT-BYT Quy định tổ chức và hoạt động của khoa Dược bệnh viện
8. Thông tư 23/2011/TT-BYT Hướng dẫn sử dụng thuốc trong các cơ sở y tế có giường bệnh
9. Thông tư 52/2017/TT-BYT Quy định về đơn thuốc và kê đơn thuốc hoá dược, sinh phẩm trong điều trị ngoại trú.
10. Thông tư 01/2018/TT-BYT Quy định ghi nhãn thuốc, nguyên liệu làm thuốc và tờ hướng dẫn sử dụng

9. Phương pháp dạy học

9.1. Phương pháp dạy/học: áp dụng phương pháp dạy /học tích cực:

Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình kết hợp giảng dạy tích cực theo mục tiêu từng nội dung môn học.

Phương pháp học tập: học viên nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm

9.2. Vật liệu để dạy/học:

Gồm phần, bảng, micro, loa, máy tính, máy chiếu projector, sách chuyên khảo trong mục tài liệu tham khảo.

10. Phương pháp đánh giá

10.1. Hình thức kiểm tra và thi hết môn:

○Đánh giá thường kỳ: câu hỏi T/F, MCQ.

○Thi kết thúc học phần: thi trắc nghiệm: câu hỏi T/F, MCQ, SAQ.

10.2. Cách tính điểm môn học:

1) Điểm kiểm tra thường kỳ lần 1 (ĐTK1) Trọng số 10 %

2) Điểm kiểm tra thường kỳ lần 2 (ĐTK2)	Trọng số	10 %
3) Thi kết thúc học phần (ĐT)	Trọng số	80 %
4) Tổng trọng số		100%

Công thức tính điểm môn học:

$$\mathbf{ĐMH = (ĐTK1 \times 0.1) + (ĐTK2 \times 0.1) + (ĐT \times 0.8)}$$

HỌC PHẦN: ĐẠO ĐỨC TRONG HÀNH NGHỀ DƯỢC

1. Mã số môn học: TC115

2. Tên học phần: Đạo đức trong hành nghề dược

3. Tổng tín chỉ: 2 tín chỉ (30 tiết)

Số tiết: Lý thuyết : 30 tiết

Thực hành: 0 tiết

4. Mục tiêu của học phần

- Trình bày được những nguyên lý cơ bản của đạo đức y học.
- Phân tích được các nguyên lý của đạo đức trong thực hành dược lâm sàng tại bệnh viện, nhà thuốc và mối quan hệ với người bệnh.

5. Môn học tiên quyết: không

6. Nội dung học phần

STT	Tên bài	Số tiết
1	Lịch sử đạo đức y học	4
2	Các nguyên tắc cơ bản của đạo đức y học	4
3	Quan hệ giữa cán bộ y tế và người bệnh	4
4	Bảo mật thông tin của người bệnh trong thực hành y học, dược học	4
5	Quan hệ với đồng nghiệp trong nhóm chăm sóc sức khỏe đa ngành	4
6	Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học, thử nghiệm lâm sàng	4
7	Tính chuyên nghiệp trong thực hành khám chữa bệnh, khách hàng y học	6
	Tổng	30

7. Bộ môn phụ trách: Bộ môn Tâm lý và Đạo đức Y học, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Cán bộ giảng dạy

- GS.TS Phạm Văn Thức, Trường đại học Y Dược Hải Phòng

- PGS.TS Nguyễn Văn Hùng, Trường đại học Y Dược Hải Phòng

8. Phương pháp dạy học

8.1. Phương pháp dạy/học: áp dụng phương pháp dạy /học tích cực:

- *Phương pháp giảng dạy:* Thuyết trình kết hợp giảng dạy tích cực theo mục tiêu từng nội dung môn học.
- *Phương pháp học tập:* học viên nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm

8.2. Vật liệu để dạy/học:

- Gồm phấn, bảng, micro, loa, máy tính, máy chiếu projector, sách chuyên khảo trong mục tài liệu tham khảo.

9. Tài liệu tham khảo

Tài liệu học tập chính

- Phạm Văn Thức, Nguyễn Văn Hùng và các tác giả: ***Bài giảng đạo đức Y học 2014***. Trường đại học Y Dược Hải Phòng. Nhà xuất bản Y học. Hà Nội 2014
- Trường đại học Y Hà Nội: ***Đạo đức trong nghiên cứu y học***. Nhà xuất bản Y học. Hà Nội 2006.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Y tế, Quyết định số 29/2008/QĐ-BYT về việc ban hành quy tắc ứng xử của cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp y tế
- Bộ Y tế, Quyết định số 4031/2001/QĐ-BYT quy định về chế độ giao tiếp trong các cơ sở khám chữa bệnh
- Bộ Y tế, Tiêu chuẩn đạo đức của người làm công tác y tế: 12 điều Y đức, ban hành kèm theo quyết định số 2088/QĐ-BYT ngày 06/11/1996 của Bộ trưởng Bộ y tế, 1996

10. Phương pháp đánh giá

10.1. Hình thức kiểm tra và thi hết môn:

- oĐánh giá thường kỳ:
- oThi kết thúc học phần:

10.2. Cách tính điểm môn học:

1) Điểm chuyên cần (ĐCC)	10% Trọng số
2) Thi giữa học phần (ĐGHP)	20% Trọng số
3) Thi kết thúc học phần (ĐT)	70% Trọng số
4) Tổng trọng số	100%

Công thức tính điểm môn học:

$$\mathbf{ĐMH = (ĐCC \times 0.1) + (ĐGHP \times 0.2) + (ĐT \times 0.7)}$$